ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /2025/QĐ-UBND	*Điện Biên, ngày tháng năm 2025*

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Điện Biên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 2 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai 2024;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Thông tư số 29/2024/TT- BTNMT ngày 12/12/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Nghị quyết số 235/NQ-HĐND ngày 28/4/2025 của HĐND tỉnh về chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã tỉnh Điện Biên;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông Nghiệp và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

(Có Định mức kinh tế - kỹ thuật chi tiết kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày …. tháng … năm 2025.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND cấp xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- HĐND và UBND các xã, phường;
- Đài PTTH tỉnh; Báo Điện Biên Phủ;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị - Nhà khách tỉnh;
- Lưu: VP, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT
Lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày ... / /2025 của UBND tỉnh Điện Biên.

Phần I
QUY ĐỊNH CHUNG

1. Phạm vi điều chỉnh

Định mức kinh tế - kỹ thuật lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất áp dụng cho các công việc sau:

1.1. Lập, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh;

1.2. Lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp xã

2. Đối tượng áp dụng

Định mức này áp dụng cho các cơ quan quản lý nhà nước, các công ty, đơn vị sự nghiệp, các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Định mức này được sử dụng để tính đơn giá sản phẩm lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; làm căn cứ giao dự toán và quyết toán giá trị sản phẩm lập, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh; lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp xã.

3. Cơ sở xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật.

Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 2 năm 2025;

Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19/02/2025;

Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;

Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Thông tư số 29/2024/TT-BTNMT ngày 12/12/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất do Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành;

Công văn số 6647/BTNMT-QHPTTNĐ ngày 20/9/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật thuộc phạm vi quản lý đất đai tại địa phương;

4. Giải thích thuật ngữ và quy định từ viết tắt

4.1. Giải thích thuật ngữ

a) Tỉnh chuẩn xây dựng định mức cho việc lập, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh. Các tham số của tỉnh được quy định tại điểm 5.1 khoản 5 Phần này.

b) Xã chuẩn xây dựng định mức cho việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp xã. Các tham số của xã chuẩn được quy định tại điểm 5.2 khoản 5 Phần này.

4.2. Quy định từ viết tắt

Bảng số 01

STT	Nội dung viết tắt	Viết tắt
1	Địa chính viên hạng II bậc 2	ĐCVC2
2	Địa chính viên hạng II bậc 3	ĐCVC3
3	Địa chính viên hạng III bậc 1	ĐCV1
4	Địa chính viên hạng III bậc 2	ĐCV2
5	Địa chính viên hạng III bậc 3	ĐCV3
6	Đơn vị tính	ĐVT
7	Số thứ tự	STT
8	Thời hạn sử dụng dụng cụ, máy móc, thiết bị (tháng)	Thời hạn (tháng)
9	Quy hoạch sử dụng đất	QHSDĐ
10	Kế hoạch sử dụng đất	KHSDĐ
11	Hội đồng nhân dân	HĐND
12	Ủy ban nhân dân	UBND
13	Tỉnh TB	Tỉnh trung bình
14	Xã TB	Xã trung bình

5. Hệ số điều chỉnh và nguyên tắc áp dụng

5.1. Định mức cho việc lập, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất tỉnh Điện Biên được quy định trong tập định mức này (M)

Áp dụng cho tỉnh Điện Biên:

Hệ số quy mô diện tích của tỉnh K_s=1,03

Hệ số đơn vị hành chính của tỉnh K_{hc}=1,04

Hệ số áp lực về kinh tế K_{kt}=1, hệ số áp lực về dân số K_{ds}=1, hệ số áp lực về đô thị $K_{đt}$=1.

Mức cụ thể (MT) tính theo công thức sau: $MT = MK_{kt}K_{ds}K_sK_{hc}K_{đt}$

Trong đó:

K_{kt}: Hệ số áp lực về kinh tế, được quy định chi tiết tại bảng sau:

Bảng số 02

GRDP bình quân/người (triệu đồng)	**Tốc độ tăng trưởng kinh tế (%)**						
	<5,0	**5,0-<6,0**	**6,0-<7,0**	**7,0-<8,0**	**8,0-<9,0**	**9,0-<10,0**	**≥ 10,0**
<35	0,90	0,95	1,0	1,05	1,10	1,15	1,20
35 - <40	0,95	1,0	1,05	1,10	1,15	1,20	1,25
40 - <45	1,0	1,05	1,10	1,15	1,20	1,25	1,30
45 - <50	1,05	1,10	1,15	1,20	1,25	1,30	1,35
50 - <55	1,10	1,15	1,20	1,25	1,30	1,35	1,40
55 - <60	1,15	1,20	1,25	1,30	1,35	1,40	1,45
≥60	1,20	1,25	1,30	1,35	1,40	1,45	1,50

Ghi chú: Các chỉ tiêu về kinh tế lấy theo Nghị quyết của HĐND cấp tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội (số liệu năm định hình kế hoạch) với giá so sánh năm 2010.

Kds: Hệ số áp lực về dân số, được quy định chi tiết tại bảng sau:

Bảng số 03

Mật độ dân số trung bình (người/km^2)	**Kds**
< 110	0,70
110 - < 290	0,71 - 0,99
290 - < 350	1,00 - 1,03
350 - < 500	1,04 - 1,07
500 - < 700	1,08 - 1,13
700 - < 900	1,14- 1,19
900 - < 1.100	1,20 - 1,25
1.100 - < 1.300	1,26 - 1,31
1.300 - < 1.500	1,32- 1,37
≥ 1.500	1,38

Ghi chú:

Số liệu mật độ dân số trung bình lấy theo số liệu của ngành Thống kê tại thời điểm năm hiện trạng;

Hệ số áp lực về dân số được tính theo phương pháp nội suy.

5.2. Định mức cho việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp xã được quy định trong tập định mức này (M_{tb}) áp dụng cho đơn vị xã có hệ số quy mô diện tích K_s=1 (diện tích trung bình là 50.000 ha), hệ số đơn vị hành chính K_{hc}=1 (số đơn vị hành chính cấp xã trung bình là 16 xã/xã), hệ số áp lực về kinh tế K_{kt}=1, hệ số áp lực về dân số K_{ds}=1, hệ số áp lực về đô thị $K_{đt}$=1.

Mức cụ thể cho từng xã (MH) tính theo công thức sau: $M_H = M_{tb}K_{kt}K_{ds}K_sK_{hc}K_{đt}$

Trong đó:

K_{kt}: Hệ số áp lực về kinh tế, được quy định chi tiết tại bảng sau.

Bảng số 04

Giá trị sản xuất bình quân/người (triệu đồng)	Tốc độ tăng trưởng kinh tế (%)						
	<4,0	**4,0 - <6,0**	**6,0 - <8,0**	**8,0 - <10**	**10- <11,0**	**11,0 <12,5**	**≥ 12,5**
< 20	0,80	0,85	0,90	0,95	1,00	1,05	1,10
20 - < 22	0,85	0,90	0,95	1,00	1,05	1,10	1,15
22 - < 24	0,90	0,95	1,00	1,05	1,10	1,15	1,20
24 - < 26	0,95	1,00	1,05	1,10	1,15	1,20	1,25
26 - < 28	1,00	1,05	1,10	1,15	1,20	1,25	1,30
28 - < 30	1,05	1,10	1,15	1,20	1,25	1,30	1,35
30 - < 32	1,10	1,15	1,20	1,25	1,30	1,35	1,40
32 - < 34	1,15	1,20	1,25	1,30	1,35	1,40	1,45
≥ 34	1,20	1,25	1,30	1,35	1,40	1,45	1,50

Ghi chú: Các chỉ tiêu về kinh tế lấy theo Định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương với giá so sánh năm 2010.

K_{ds}: Hệ số áp lực về dân số, được quy định chi tiết tại bảng sau:

Bảng số 05

Mật độ dân số trung bình (người/km^2)	Kds
< 50	0,65
50 - < 110	0,66 - 0,80
110 - < 290	0,81 - 0,99
290 - < 350	1,00 - 1,03
350 - < 600	1,04 - 1,08
600 - < 900	1,09 - 1,12
900 - < 1.200	1,13 - 1,17
1200 - < 1.500	1,18 - 1,22
≥ 1.500	1,23

Ghi chú:

- Số liệu mật độ dân số trung bình lấy theo số liệu của ngành Thống kê tại thời điểm năm hiện trạng;

- Hệ số áp lực về dân số được tính theo phương pháp nội suy.

K_s: Hệ số quy mô diện tích, được quy định chi tiết tại bảng sau:

Bảng số 06

Diện tích tự nhiên (ha)	Ks
<5.000	0,60
5.000 - < 10.000	0,61 - 0,75
10.000 - < 20.000	0,76 - 0,85
20.000 - < 50.000	0,86 - 0,99

50.000 - < 60.000	1,00 - 1,04
60.000 - < 90.000	1,05 - 1,10
90.000 - < 120.000	1,11 - 1,15
120.000 - < 150.000	1,16 - 1,19
≥ 150.000	1,20

Ghi chú:

- Số liệu diện tích tự nhiên lấy theo số liệu của ngành Thống kê tại thời điểm năm hiện trạng;

- Hệ số về quy mô diện tích được tính theo phương pháp nội suy.

K_{hc}: Hệ số đơn vị hành chính, được quy định chi tiết tại bảng sau:

Bảng số 7

Số đơn vị hành chính cấp xã	**Khc**
< 10	0,80
10 - < 16	0,81 - 0,99
16 - < 20	1,00 - 1,15
20 - < 25	1,16 -1,25
25 - < 30	1,26 - 1,35
30 - < 35	1,36 - 1,45
≥ 35	1,50

Ghi chú:

- Số liệu về số đơn vị hành chính cấp xã lấy theo số liệu của ngành Thống kê tại thời điểm năm hiện trạng;

- Hệ số đơn vị hành chính được tính theo phương pháp nội suy.

$K_{đt}$: Hệ số áp lực về đô thị, được quy định chi tiết tại bảng sau:

Bảng số 8

Loại đô thị	**Kđt**
Các quận, thị xã, thành phố thuộc đô thị đặc biệt	1,30
Các quận thuộc đô thị loại I, các đô thị loại I là thành phố thuộc tỉnh	1,25
Các đô thị khác	1,20

6. Các quy định khác:

6.1. Định mức kinh tế - kỹ thuật lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất gồm các định mức thành phần sau:

6.1.1. Định mức lao động: Là thời gian lao động trực tiếp cần thiết để sản xuất ra một sản phẩm (hoặc để thực hiện một bước công việc hoặc thực hiện một công việc cụ thể) và thời gian lao động trực tiếp phục vụ trong quá trình kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm theo quy chế kiểm tra, nghiệm thu. Nội dung của định mức lao động bao gồm:

- Nội dung công việc: Liệt kê các thao tác cơ bản, thao tác chính để thực hiện bước công việc.

- Định biên: Xác định số lượng và cấp bậc lao động kỹ thuật cụ thể phù hợp với yêu cầu thực hiện của từng nội dung công việc theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp chuyên ngành tài nguyên và môi trường.

- Định mức: Quy định thời gian lao động trực tiếp cần thiết hoàn thành một đơn vị sản phẩm (thực hiện bước công việc) và thời gian lao động trực tiếp phục vụ trong quá trình kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm theo quy chế kiểm tra, nghiệm thu; đơn vị tính là công cá nhân hoặc công nhóm/đơn vị sản phẩm; ngày công (ca) tính bằng 08 giờ làm việc.

6.1.2. Định mức sử dụng vật liệu, dụng cụ và thiết bị

- Định mức sử dụng vật liệu là số lượng vật liệu cần thiết để sản xuất ra một đơn vị sản phẩm (thực hiện một công việc); đơn vị tính theo đơn vị của từng loại vật liệu/đơn vị sản phẩm.

- Định mức sử dụng dụng cụ và thiết bị: là thời gian sử dụng dụng cụ và thiết bị cần thiết để sản xuất ra một đơn vị sản phẩm (thực hiện một bước công việc); thời hạn sử dụng dụng cụ và thiết bị tính là tháng.

- Điện năng tiêu thụ của các dụng cụ, thiết bị dùng điện được tính trên cơ sở công suất và định mức sử dụng dụng cụ, thiết bị và được tính theo công thức:

- Định mức điện = (Công suất thiết bị/giờ x 08 giờ làm việc x số ca sử dụng thiết bị) + 5% hao hụt.

- Định mức cho các dụng cụ có giá trị thấp được tính bằng 5% định mức dụng cụ được tính tại bảng định mức dụng cụ.

- Định mức vật liệu có giá trị thấp được tính bằng 8% định mức vật liệu được tính tại bảng định mức vật liệu.

6.2. Định mức này chỉ quy định mức cho các hoạt động trực tiếp lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Các hoạt động lập nhiệm vụ; quản lý chung; kiểm tra, nghiệm thu; các hoạt động khác có liên quan trực tiếp đến nhiệm vụ sẽ được xác định trong quá trình lập nhiệm vụ theo quy định của pháp luật về lập, quản lý, sử dụng kinh phí chi cho hoạt động kinh tế đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên và môi trường.

7. Trong quá trình áp dụng Định mức kinh tế - kỹ thuật này nếu có vướng mắc hoặc phát hiện bất hợp lý, đề nghị phản ánh về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, điều chỉnh kịp thời.

Phần II
ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT LẬP, ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH, KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

Mục 1
LẬP QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT CẤP TỈNH

1. Định mức lao động

1.1.Nội dung công việc

Bước 1. Điều tra, thu thập thông tin, tài liệu

1. Điều tra, thu thập các thông tin, tài liệu liên quan đến lập quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, gồm: quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc gia; các quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng; quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành có sử dụng đất cấp quốc gia, liên tỉnh; quy hoạch tỉnh; điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội của tỉnh; hiện trạng sử dụng đất, biến động đất đai, chất lượng đất, tiềm năng đất

đai và kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước của tỉnh; nhu cầu, khả năng sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực, địa phương; nguồn lực đầu tư công và các nguồn lực khác; tiến bộ khoa học và công nghệ có liên quan đến việc sử dụng đất.

2. Tổng hợp, phân loại và đánh giá các thông tin, tài liệu điều tra, thu thập, gồm:

a) Sắp xếp, phân loại theo chuyên mục, nguồn thông tin;

b) Phân tích, đánh giá tính chính xác, khách quan để lựa chọn thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ sử dụng trong lập quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh.

3. Điều tra, khảo sát thực địa, gồm:

a) Xác định những nội dung cần điều tra, khảo sát thực địa; xây dựng kế hoạch điều tra, khảo sát thực địa;

b) Điều tra, khảo sát thực địa, gồm: các nội dung chính tác động đến quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh (các khu vực dự kiến phát triển các công trình hạ tầng của quốc gia, của vùng trên địa bàn tỉnh; các công trình hạ tầng của tỉnh; các khu vực có khả năng phát triển hệ thống đô thị, khu công nghiệp, khu thương mại - dịch vụ, khu vực chuyên canh lúa chất lượng cao,...); các thông tin tại các đơn vị hành chính cấp dưới trực tiếp phục vụ để tiến hành khoanh vùng định hướng không gian sử dụng đất, dự báo xu thế chuyển dịch đất đai và các nội dung khác liên quan (nếu có);

c) Chỉnh lý bổ sung thông tin, tài liệu trên cơ sở kết quả điều tra, khảo sát thực địa.

4. Tổng hợp và xây dựng báo cáo chuyên đề kết quả điều tra, thu thập các thông tin, tài liệu.

Bước 2. Phân tích, đánh giá các yếu tố tự nhiên, kinh tế, xã hội, nguồn lực, bối cảnh của cấp tỉnh, của vùng tác động trực tiếp đến việc sử dụng đất của tỉnh

1. Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, các nguồn tài nguyên và môi trường, gồm:

a) Phân tích đặc điểm điều kiện tự nhiên (vị trí địa lý; địa hình, địa mạo; địa chất; khí hậu; thuỷ văn;...);

b) Phân tích đặc điểm các nguồn tài nguyên (đất; nước; rừng; biển; khoáng sản;...);

c) Phân tích hiện trạng môi trường (không khí; nước; đất; chất thải rắn; sản xuất nông nghiệp và làng nghề; hoạt động khai thác khoáng sản;...);

d) Phân tích, đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến việc sử dụng đất (nước biển dâng; xâm nhập mặn; hoang mạc hóa, sa mạc hóa; xói mòn, sạt lở đất;...).

2. Phân tích, đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội (tăng trưởng kinh tế; cơ cấu kinh tế theo khu vực kinh tế; thực trạng sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực; thực trạng phát triển đô thị và phát triển nông thôn; tình hình dân số, lao động, việc làm và thu nhập, tập quán có liên quan đến sử dụng đất;...).

3. Nguồn lực, bối cảnh của cấp tỉnh, của vùng tác động trực tiếp đến việc sử dụng đất, gồm:

a) Bối cảnh của tỉnh, của vùng tác động đến việc sử dụng đất;

b) Phân tích, đánh giá các nguồn lực tự nhiên, nguồn nhân lực, công nghệ, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, khả năng đầu tư công và thu hút đầu tư ngoài ngân sách có liên quan đến việc sử dụng đất;

c) Phân tích, đánh giá các nguồn lực khác có liên quan đến việc sử dụng đất.

4. Xây dựng báo cáo chuyên đề phân tích, đánh giá các yếu tố tự nhiên, kinh tế, xã hội, nguồn lực, bối cảnh của cấp tỉnh, của vùng tác động trực tiếp đến việc sử dụng đất của tỉnh.

Bước 3. Phân tích, đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất theo các nội dung quản lý nhà nước về đất đai liên quan đến quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh

1. Phân tích tình hình thực hiện các nội dung quản lý nhà nước về đất đai quy định tại Điều 20 Luật Đất đai có liên quan đến quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh.

2. Đánh giá mặt được, tồn tại và nguyên nhân.

3. Xây dựng báo cáo chuyên đề phân tích, đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất theo các nội dung quản lý nhà nước về đất đai liên quan đến quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh.

Bước 4. Phân tích, đánh giá hiện trạng sử dụng đất, biến động sử dụng đất 10 năm trước, kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước

1. Hiện trạng sử dụng đất theo loại đất quy định tại Điều 9 Luật Đất đai và các điều 4, 5 và 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.

2. Biến động sử dụng đất theo loại đất quy định tại Điều 9 Luật Đất đai và các điều 4, 5 và 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.

3. Phân tích, đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước (kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp; kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất; kết quả thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất;...).

4. Phân tích, đánh giá hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường trong việc sử dụng đất.

5. Phân tích, đánh giá mặt được, tồn tại, nguyên nhân, bài học kinh nghiệm và giải pháp khắc phục.

6. Lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất phục vụ lập quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh.

7. Xây dựng báo cáo chuyên đề phân tích, đánh giá hiện trạng sử dụng đất, biến động sử dụng đất 10 năm trước, kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước.

8. Trường hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh thì đánh giá hiện trạng, biến động sử dụng đất và kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh đến thời điểm tổ chức điều chỉnh.

Bước 5. Tổng hợp, đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai, ô nhiễm đất, thoái hóa đất

1. Tổng hợp, phân tích đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai, ô nhiễm đất, thoái hóa đất từ kết quả điều tra, đánh giá đất trên địa bàn tỉnh phục vụ xây dựng định hướng, quy hoạch sử dụng đất gắn với không gian, phân vùng sử dụng đất để phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh; bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu.

2. Xây dựng báo cáo chuyên đề tổng hợp, phân tích kết quả đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai, ô nhiễm đất, thoái hóa đất của trên địa bàn tỉnh.

Bước 6. Xác định các quan điểm và mục tiêu sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch

1. Quan điểm sử dụng đất đối với nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp, nhóm đất chưa sử dụng phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của cấp tỉnh trong kỳ quy hoạch sử dụng đất.

2. Mục tiêu sử dụng đất đối với nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp, nhóm đất chưa sử dụng phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của cấp tỉnh trong kỳ quy hoạch sử dụng đất.

3. Xây dựng báo cáo chuyên đề xác định các quan điểm và mục tiêu sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch.

Bước 7. Dự báo xu thế biến động của việc sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch

1. Dự báo các yếu tố chủ yếu về kinh tế, xã hội, môi trường ảnh hưởng đến xu thế biến động đất đai (dự báo kinh tế, xã hội, môi trường; quốc phòng, an ninh; dự báo tác động của biến đổi khí hậu và nước biển dâng;...).

2. Dự báo xu thế biến động đất đai của tỉnh, gồm: nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp và khả năng khai thác đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong kỳ quy hoạch sử dụng đất và các loại đất quy định tại Điều 9 Luật Đất đai và các điều 4, 5 và 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.

3. Xây dựng báo cáo chuyên đề dự báo xu thế biến động của việc sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch.

Bước 8. Định hướng sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch 10 năm, tầm nhìn sử dụng đất từ 20 đến 30 năm

1. Xác định cơ sở xây dựng định hướng sử dụng đất đáp ứng nhu cầu sử dụng đất để phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh; bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu.

2. Định hướng sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch đối với nhóm đất nông nghiệp, phi nông nghiệp, đất chưa sử dụng và các loại đất do cấp tỉnh xác định gắn với không gian, phân vùng sử dụng đất theo từng đơn vị hành chính cấp xã.

3. Xây dựng báo cáo chuyên đề định hướng sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch.

Bước 9. Xây dựng phương án quy hoạch sử dụng đất

1. Xác định các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong kỳ quy hoạch sử dụng đất, gồm:

a) Các chỉ tiêu về kinh tế;

b) Các chỉ tiêu về xã hội;

c) Các chỉ tiêu về bảo đảm quốc phòng, an ninh;

d) Các chỉ tiêu về bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu;

đ) Các chỉ tiêu về phát triển kết cấu hạ tầng.

2. Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất, cân đối để xác định các chỉ tiêu sử dụng đất trong nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp và nhóm đất chưa sử dụng theo quy định tại Điều 9 Luật Đất đai và điều 4, 5 và 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP; xây dựng hệ thống biểu số liệu, sơ đồ, biểu đồ kèm theo.

3. Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất trong quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh và phân theo đơn vị hành chính cấp xã, gồm:

a) Chỉ tiêu sử dụng đất do quy hoạch sử dụng đất quốc gia phân bổ cho cấp tỉnh;

b) Các chỉ tiêu sử dụng đất theo nhu cầu sử dụng đất của tỉnh. Đối với các chỉ tiêu sử dụng đất còn lại mà quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh không xác định thì được quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp xã xác định.

4. Xác định diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong thời kỳ quy hoạch và phân theo đơn vị hành chính cấp xã.

5. Xác định diện tích đất cần thu hồi trong thời kỳ quy hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã.

6. Xác định diện tích đất cần chuyển mục đích sử dụng đất quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Đất đai trong thời kỳ quy hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã.

7. Xác định ranh giới, vị trí, diện tích khu vực lấn biển để sử dụng vào mục đích nông nghiệp, phi nông nghiệp trong thời kỳ quy hoạch và phân theo đơn vị hành chính cấp xã.

8. Khoanh vùng các khu vực sử dụng đất cần quản lý nghiêm ngặt trong thời kỳ quy hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã, gồm: đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên.

Việc xác định các khu vực sử dụng đất cần quản lý nghiêm ngặt đối với đất trồng lúa theo tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa và khu vực cần chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang mục đích khác để phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh.

Việc xác định các khu vực sử dụng đất cần quản lý nghiêm ngặt đối với đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên thực hiện theo tiêu chí quy định tại Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ) và khu vực cần chuyển mục đích sử dụng đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên sang mục đích khác để phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh.

9. Phân kỳ quy hoạch sử dụng cho từng kỳ kế hoạch 05 năm theo nội dung quy định tại các khoản 3, 4, 5, 6, 7 và 8 Điều này. Đối với nội dung quy định tại khoản 3 Điều này được phân đến từng đơn vị hành chính cấp xã.

10. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến kinh tế, xã hội, môi trường và bảo đảm quốc phòng, an ninh, gồm:

a) Đánh giá tác động đến nguồn thu, chi từ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và thu hồi đất;

b) Đánh giá tác động đến mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội, bảo vệ môi trường, bảo đảm quốc phòng, an ninh;

c) Đánh giá tác động đến khả năng bảo đảm an ninh lương thực;

d) Đánh tác động đối với việc giải quyết quỹ đất ở, mức độ ảnh hưởng đến đời sống các hộ dân phải di dời chỗ ở, số lao động phải chuyển đổi nghề nghiệp

do chuyển mục đích sử dụng đất; đất đai cho người dân tộc thiểu số;

đ) Đánh giá tác động đến quá trình đô thị hóa và phát triển hạ tầng; tôn tạo di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, bảo tồn văn hoá các dân tộc;

e) Đánh giá tác động đến khả năng khai thác hợp lý tài nguyên thiên nhiên, khả năng đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng; yêu cầu bảo tồn, phát triển diện tích rừng và tỷ lệ che phủ.

11. Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch sử dụng đất, gồm:

a) Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất, bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu;

b) Giải pháp về nguồn lực thực hiện quy hoạch sử dụng đất;

c) Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch sử dụng đất.

12. Xây dựng hệ thống biểu số liệu, sơ đồ, biểu đồ.

13. Lập bản đồ quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, gồm:

a) Bản đồ quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh (bản đồ số và bản đồ in);

b) Bản đồ chuyên đề, gồm: bản đồ đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên và các bản đồ chuyên đề cho các loại đất khác (nếu có) tùy vào điều kiện của từng tỉnh để đảm bảo thể hiện được nội dung quy hoạch trên bản đồ.

14. Xây dựng báo cáo chuyên đề về phương án quy hoạch sử dụng đất.

Bước 10. Xây dựng báo cáo quy hoạch sử dụng đất

1. Xây dựng báo cáo quy hoạch sử dụng đất và các tài liệu có liên quan.

2. Xây dựng báo cáo tóm tắt quy hoạch sử dụng đất.

1.2.Định mức

Bảng số 9

STT	Nội dung công việc	Định biên (người/nhóm)	Định mức (công nhóm)	
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
Bước 1	**Điều tra, thu thập thông tin, tài liệu**			
1	Điều tra, thu thập các thông tin, tài liệu liên quan đến lập quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, gồm: quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc gia; các quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng; quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành có sử dụng đất cấp quốc gia, liên tỉnh; quy hoạch tỉnh; điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội của tỉnh; hiện trạng sử dụng đất, biến động đất đai, chất lượng đất, tiềm năng đất đai và kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước của tỉnh; nhu cầu, khả năng sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực, địa phương; nguồn lực đầu tư công và các nguồn lực khác; tiến bộ khoa học và công nghệ có liên quan đến việc sử dụng đất.	5 (1ĐCVC2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	192	
2	Tổng hợp, phân loại và đánh giá các thông tin, tài liệu điều tra, thu thập			
a	Sắp xếp, phân loại theo chuyên mục, nguồn thông tin;	5 (1ĐCVC2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	3	
b	Phân tích, đánh giá tính chính xác, khách quan để lựa chọn thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ sử dụng trong lập quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh.	5 (1ĐCVC2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	52	
3	Điều tra, khảo sát thực địa			
a	Xác định những nội dung cần điều tra, khảo sát thực địa; xây dựng kế hoạch điều tra, khảo sát thực địa;	5 (1ĐCVC2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)		1
b	Điều tra, khảo sát thực địa, gồm: các nội dung chính tác động đến quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh (các khu vực dự kiến phát triển các công trình hạ tầng của quốc gia, của vùng trên địa bàn tỉnh; các công trình hạ tầng của tỉnh; các khu vực có khả năng phát triển hệ thống đô thị, khu công nghiệp, khu thương mại - dịch vụ, khu vực chuyên canh lúa chất lượng cao,...); các thông tin tại các đơn vị hành chính cấp dưới trực tiếp phục vụ để tiến hành khoanh vùng định hướng không gian sử dụng đất, dự báo xu thế chuyển dịch đất đai và các nội dung khác liên quan (nếu có);	5 (1ĐCVC2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)		11
c	Chỉnh lý bổ sung thông tin, tài liệu trên cơ sở kết quả điều tra, khảo sát thực địa.	5 (1ĐCVC2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)		3

4	Tổng hợp và xây dựng báo cáo chuyên đề kết quả điều tra, thu thập các thông tin, tài liệu.	5 (1ĐCVC2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	45	
Bước 2	**Phân tích, đánh giá các yếu tố tự nhiên, kinh tế, xã hội, nguồn lực, bối cảnh của cấp tỉnh, của vùng tác động trực tiếp đến việc sử dụng đất của tỉnh**			
1	Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, các nguồn tài nguyên và môi trường			
a	Phân tích đặc điểm điều kiện tự nhiên (vị trí địa lý; địa hình, địa mạo; địa chất; khí hậu; thuỷ văn;...);	5 (1ĐCVC2, 4ĐCV3)	10	
b	Phân tích đặc điểm các nguồn tài nguyên (đất; nước; rừng; biển; khoáng sản;...);	5 (1ĐCVC2, 4ĐCV3)	10	
c	Phân tích hiện trạng môi trường (không khí; nước; đất; chất thải rắn; sản xuất nông nghiệp và làng nghề; hoạt động khai thác khoáng sản;...);	5 (1ĐCVC2, 4ĐCV3)	10	
d	Phân tích, đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến việc sử dụng đất (nước biển dâng; xâm nhập mặn; hoang mạc hóa, sa mạc hóa; xói mòn, sạt lở đất; ...).	5 (1ĐCVC2, 4ĐCV3)	10	
2	Phân tích, đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội (tăng trưởng kinh tế; cơ cấu kinh tế theo khu vực kinh tế; thực trạng sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực; thực trạng phát triển đô thị và phát triển nông thôn; tình hình dân số, lao động, việc làm và thu nhập, tập quán có liên quan đến sử dụng đất; ...).	5 (1ĐCVC2, 4ĐCV3)	33	
3	Nguồn lực, bối cảnh của cấp tỉnh, của vùng tác động trực tiếp đến việc sử dụng đất			
a	Bối cảnh của tỉnh, của vùng tác động đến việc sử dụng đất;	5 (1ĐCVC2, 4ĐCV3)	10	
b	Phân tích, đánh giá các nguồn lực tự nhiên, nguồn nhân lực, công nghệ, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, khả năng đầu tư công và thu hút đầu tư ngoài ngân sách có liên quan đến việc sử dụng đất;	5 (1ĐCVC2, 4ĐCV3)	10	
c	Phân tích, đánh giá các nguồn lực khác có liên quan đến việc sử dụng đất.	5 (1ĐCVC2, 4ĐCV3)	10	
4	Xây dựng báo cáo chuyên đề phân tích, đánh giá các yếu tố tự nhiên, kinh tế, xã hội, nguồn lực, bối cảnh của cấp tỉnh, của vùng tác động trực tiếp đến việc sử dụng đất của tỉnh.	7 (1ĐCVC2, 5ĐCV3, 1ĐCV2)	30	
Bươc 3	**Phân tích, đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất theo các nội dung quản lý nhà nước về đất đai liên quan đến quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh**			
1	Phân tích tình hình thực hiện các nội dung quản lý nhà nước về đất đai quy định tại Điều 20 Luật Đất đai có liên quan đến quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh.	5 (1ĐCVC2, 4ĐCV3)	13	
2	Đánh giá mặt được, tồn tại và nguyên nhân.	5 (1ĐCVC2, 4ĐCV3)	7	

3	Xây dựng báo cáo chuyên đề phân tích, đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất theo các nội dung quản lý nhà nước về đất đai liên quan đến quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh.	7 (1ĐCVC2, 5ĐCV3, 1ĐCV2)	30	
Bươớc 4	**Phân tích, đánh giá hiện trạng sử dụng đất, biến động sử dụng đất 10 năm trước, kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước**			
1	Hiện trạng sử dụng đất theo loại đất quy định tại Điều 9 Luật Đất đai và các điều 4, 5 và 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.	5 (1ĐCVC2, 4ĐCV3)	10	
2	Biến động sử dụng đất theo loại đất quy định tại Điều 9 Luật Đất đai và các điều 4, 5 và 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.	5 (1ĐCVC2, 4ĐCV3)	10	
3	Phân tích, đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước (kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp; kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất; kết quả thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất; ...).	5 (1ĐCVC2, 4ĐCV3)	38	
4	Phân tích, đánh giá hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường trong việc sử dụng đất.	5 (1ĐCVC2, 4ĐCV3)	10	
5	Phân tích, đánh giá mặt được, tồn tại, nguyên nhân, bài học kinh nghiệm và giải pháp khắc phục.	5 (1ĐCVC2, 4ĐCV3)	10	
6	Lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất phục vụ lập quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh.	5 (1ĐCVC2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	9	
7	Xây dựng báo cáo chuyên đề phân tích, đánh giá hiện trạng sử dụng đất, biến động sử dụng đất 10 năm trước, kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước.	7 (1ĐCVC2, 5ĐCV3, 1ĐCV2)	30	
Bước 5	**Tổng hợp, đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai, ô nhiễm đất, thoái hóa đất**			
1	Tổng hợp, phân tích đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai, ô nhiễm đất, thoái hóa đất từ kết quả điều tra, đánh giá đất trên địa bàn tỉnh phục vụ xây dựng định hướng, quy hoạch sử dụng đất gắn với không gian, phân vùng sử dụng đất để phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh; bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu.	5 (1ĐCVC2, 4ĐCV3)	23	
2	Xây dựng báo cáo chuyên đề tổng hợp, phân tích kết quả đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai, ô nhiễm đất, thoái hóa đất của trên địa bàn tỉnh.	7 (1ĐCVC2, 5ĐCV3, 1ĐCV2)	15	
Bước 6	**Xác định các quan điểm và mục tiêu sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch**			
1	Quan điểm sử dụng đất đối với nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp, nhóm đất chưa sử dụng phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của cấp tỉnh trong kỳ quy hoạch sử dụng đất.	7 (1ĐCVC2, 5ĐCV3, 1ĐCV2)	21	2

2	Mục tiêu sử dụng đất đối với nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp, nhóm đất chưa sử dụng phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của cấp tỉnh trong kỳ quy hoạch sử dụng đất.	7 (1ĐCVC2, 5ĐCV3, 1ĐCV2)	42	4
3	Xây dựng báo cáo chuyên đề xác định các quan điểm và mục tiêu sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch.	7 (1ĐCVC2, 5ĐCV3, 1ĐCV2)	15	
Bước 7	**Dự báo xu thế biến động của việc sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch**			
1	Dự báo các yếu tố chủ yếu về kinh tế, xã hội, môi trường ảnh hưởng đến xu thế biến động đất đai (dự báo kinh tế, xã hội, môi trường; quốc phòng, an ninh; dự báo tác động của biến đổi khí hậu và nước biển dâng; ...).	7 (1ĐCVC2, 5ĐCV3, 1ĐCV2)	21	2
2	Dự báo xu thế biến động đất đai của tỉnh, gồm: nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp và khả năng khai thác đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong kỳ quy hoạch sử dụng đất và các loại đất quy định tại Điều 9 Luật Đất đai và các điều 4, 5 và 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.	7 (1ĐCVC2, 5ĐCV3, 1ĐCV2)	42	4
3	Xây dựng báo cáo chuyên đề dự báo xu thế biến động của việc sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch.	7 (1ĐCVC2, 5ĐCV3, 1ĐCV2)	15	
Bước 8	**Định hướng sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch 10 năm, tầm nhìn sử dụng đất từ 20 đến 30 năm**			
1	Xác định cơ sở xây dựng định hướng sử dụng đất đáp ứng nhu cầu sử dụng đất để phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh; bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu.	7 (1ĐCVC2, 5ĐCV3, 1ĐCV2)	21	2
2	Định hướng sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch đối với nhóm đất nông nghiệp, phi nông nghiệp, đất chưa sử dụng và các loại đất do cấp tỉnh xác định gắn với không gian, phân vùng sử dụng đất theo từng đơn vị hành chính cấp xã.	7 (1ĐCVC2, 5ĐCV3, 1ĐCV2)	42	4
3	Xây dựng báo cáo chuyên đề định hướng sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch.	7 (1ĐCVC2, 5ĐCV3, 1ĐCV2)	15	
Bước 9	**Xây dựng phương án quy hoạch sử dụng đất**			
1	Xác định các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong kỳ quy hoạch sử dụng đất			
a	Các chỉ tiêu về kinh tế	6 (2ĐCVC2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	15	
b	Các chỉ tiêu về xã hội	6 (2ĐCVC2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	15	

c	Các chỉ tiêu về bảo đảm quốc phòng, an ninh	6 (2ĐCVC2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	15	
d	Các chỉ tiêu về bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu.	6 (2ĐCVC2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	15	
đ	Các chỉ tiêu về phát triển kết cấu hạ tầng.	6 (2ĐCVC2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	15	
2	Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất, cân đối để xác định các chỉ tiêu sử dụng đất trong nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp và nhóm đất chưa sử dụng theo quy định tại Điều 9 Luật Đất đai và điều 4, 5 và 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP; xây dựng hệ thống biểu số liệu, sơ đồ, biểu đồ kèm theo.	6 (2ĐCVC2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	22	
3	Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất trong quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh và phân theo đơn vị hành chính cấp xã:			
a	Chỉ tiêu sử dụng đất do quy hoạch sử dụng đất quốc gia phân bổ cho cấp tỉnh	6 (2ĐCVC2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	22	
b	Các chỉ tiêu sử dụng đất theo nhu cầu sử dụng đất của tỉnh. Đối với các chỉ tiêu sử dụng đất còn lại mà quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh không xác định thì được quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp xã xác định.	6 (2ĐCVC2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	22	
4	Xác định diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong thời kỳ quy hoạch và phân theo đơn vị hành chính cấp xã.	6 (2ĐCVC2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	11	
5	Xác định diện tích đất cần thu hồi trong thời kỳ quy hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã.	6 (2ĐCVC2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	32	12
6	Xác định diện tích đất cần chuyển mục đích sử dụng đất quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Đất đai trong thời kỳ quy hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã.	6 (2ĐCVC2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	11	
7	Xác định ranh giới, vị trí, diện tích khu vực lấn biển để sử dụng vào mục đích nông nghiệp, phi nông nghiệp trong thời kỳ quy hoạch và phân theo đơn vị hành chính cấp xã.	6 (2ĐCVC2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	11	
8	Khoanh vùng các khu vực sử dụng đất cần quản lý nghiêm ngặt trong thời kỳ quy hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã, gồm: đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên.	6 (2ĐCVC2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	11	
9	Phân kỳ quy hoạch sử dụng cho từng kỳ kế hoạch 05 năm theo nội dung quy định tại các khoản 3, 4, 5, 6, 7 và 8 Điều này. Đối với nội dung quy định tại khoản 3 Điều này được phân đến từng đơn vị hành chính cấp xã.	7 (2ĐCVC2, 4ĐCV3, 1ĐCV2)	14	

10	Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến kinh tế, xã hội, môi trường và bảo đảm quốc phòng, an ninh	6 (2ĐCVC2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)		
a	Đánh giá tác động đến nguồn thu, chi từ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và thu hồi đất	6 (2ĐCVC2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	21	1
b	Đánh giá tác động đến mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội, bảo vệ môi trường, bảo đảm quốc phòng, an ninh	6 (2ĐCVC2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	21	1
c	Đánh giá tác động đến khả năng bảo đảm an ninh lương thực	6 (2ĐCVC2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	21	1
d	Đánh tác động đối với việc giải quyết quỹ đất ở, mức độ ảnh hưởng đến đời sống các hộ dân phải di dời chỗ ở, số lao động phải chuyển đổi nghề nghiệp do chuyển mục đích sử dụng đất; đất đai cho người dân tộc thiểu số	6 (2ĐCVC2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	21	1
đ	Đánh giá tác động đến quá trình đô thị hóa và phát triển hạ tầng; tôn tạo di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, bảo tồn văn hoá các dân tộc	6 (2ĐCVC2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	21	1
e	Đánh giá tác động đến khả năng khai thác hợp lý tài nguyên thiên nhiên, khả năng đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng; yêu cầu bảo tồn, phát triển diện tích rừng và tỷ lệ che phủ.	6 (2ĐCVC2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	21	1
11	Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch sử dụng đất	7 (2ĐCVC2, 4ĐCV3, 1ĐCV2)		
a	Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất, bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu	7 (2ĐCVC2, 4ĐCV3, 1ĐCV2)	11	
b	Giải pháp về nguồn lực thực hiện quy hoạch sử dụng đất	7 (2ĐCVC2, 4ĐCV3, 1ĐCV2)	11	
c	Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch sử dụng đất.	7 (2ĐCVC2, 4ĐCV3, 1ĐCV2)	11	
12	Xây dựng hệ thống biểu số liệu, sơ đồ, biểu đồ.	7 (2ĐCVC2, 4ĐCV3, 1ĐCV2)	48	
13	Lập bản đồ quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh.			
a	Bản đồ quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh (bản đồ số và bản đồ in)	6 (2ĐCVC2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	90	12
b	Bản đồ chuyên đề, gồm: bản đồ đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên và các bản đồ chuyên đề cho các loại đất khác (nếu có) tùy vào điều kiện của từng tỉnh để đảm bảo thể hiện được nội dung quy hoạch trên bản đồ.	6 (2ĐCVC2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	15	2
14	Xây dựng báo cáo chuyên đề về phương án quy hoạch sử dụng đất.	7 (2ĐCVC2, 4ĐCV3, 1ĐCV2)	45	
Bước 10	**Xây dựng báo cáo quy hoạch sử dụng**			

	đất			
1	Xây dựng báo cáo quy hoạch sử dụng đất và các tài liệu có liên quan.	7 (2ĐCVC2, 4ĐCV3, 1ĐCV2)	105	
2	Xây dựng báo cáo tóm tắt quy hoạch sử dụng đất.	6 (2ĐCVC2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	35	
	Tổng		**1.592**	**65**

2.Định mức thiết bị

Bảng số 10

STT	Danh mục thiết bị	Đơn vị tính	Thời hạn sử dụng (tháng)	Công suất (Kw/h)	Định mức (ca/tỉnh TB)	
					Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
1	Máy scan A0	Cái	96	2,5	1,4	
2	Máy scan A3	Cái	96	0,4	1,4	
3	Máy in A3	Cái	60	0,5	1	
4	Máy in A4	Cái	60	0,35	3	
5	Máy in màu A4	Cái	60	0,35	2	
6	Máy in màu A3	Cái	60	0,35	1	
7	Máy in Ploter	Cái	60	0,4	14,6	
8	Máy vi tính	Bộ	60	0,35	5.594	
9	Bộ máy tính cấu hình cao	Bộ	60	0,35	2.295	
10	Máy điều hoà nhiệt độ	Bộ	96	2,2	645	
11	Máy chiếu Projector	Cái	60	0,5	6,6	
12	Máy tính xách tay	Cái	60	0,5		277,5
13	Máy phô tô	Cái	96	1,5	14	
14	Điện năng	Kw			35.422	

Cơ cấu (%) thiết bị theo các bước:

Danh mục công việc	Cơ cấu (%)	
	Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
Quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh	**100,00**	**100,00**
Bước 1	18,34	23,08
Bước 2	8,35	

Bước 3	3,14	
Bước 4	7,35	
Bước 5	2,39	
Bước 6	4,90	9,23
Bước 7	4,9	9,23
Bước 8	4,9	9,23
Bước 9	36,93	49,23
Bước 10	8,79	

3.Định mức dụng cụ

Bảng số 11

STT	Danh mục dụng cụ	Đơn vị tính	Thời hạn sử dụng (tháng)	Định mức (ca/tỉnh TB)	
				Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
1	Bàn làm việc	Cái	96	4.647	
2	Ghế văn phòng	Cái	96	4.647	
3	Bàn để máy tính	Cái	96	6.971	
4	Ghế máy tính	Cái	96	6.971	
5	Chuột máy tính	Cái	12	6.971	
6	Bút trình chiếu	Cái	12	6,56	
7	Màn chiếu điện	Cái	12	6,56	
8	Giá để tài liệu	Cái	60	1.936	
9	Hòm đựng tài liệu	Cái	60	1.936	
10	Cặp đựng tài liệu	Cái	60	6.971	
11	Quần áo mưa	Bộ	12		278
12	Ba lô	Cái	24		555
13	Ổn áp dùng chung 10A	Cái	60	1.936	
14	Lưu điện cho máy tính	Cái	60	6.971	
15	Máy hút ẩm 2 KW	Cái	60	645	
16	Máy hút bụi 1,5 KW	Cái	60	387	
17	Quạt trần 0,1 KW	Cái	60	968	

STT	Danh mục dụng cụ	Đơn vị tính	Thời hạn sử dụng (tháng)	Định mức (ca/tỉnh TB)	
				Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
18	Máy định vị cầm tay (GPS)	Cái	60		35
19	Sạc pin	Cái	12		17,50
20	Máy tính bảng	Cái	60		17,50
21	Bộ đèn neon 0,04 KW	Bộ	36	1.936	
22	Điện năng	Kw		17.826	
23	Dụng cụ có giá trị thấp	%		5	5

Cơ cấu (%) dụng cụ theo các bước:

Danh mục công việc	Cơ cấu (%)	
	Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
Quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh	**100,00**	**100,00**
Bước 1	18,34	23,08
Bước 2	8,35	
Bước 3	3,14	
Bước 4	7,35	
Bước 5	2,39	
Bước 6	4,90	9,23
Bước 7	4,9	9,23
Bước 8	4,9	9,23
Bước 9	36,93	49,23
Bước 10	8,79	

4.Định mức vật liệu

Bảng số 12

STT	Danh mục vật liệu	Đơn vị tính	Định mức (tính cho tỉnh TB)	
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
1	Đĩa CD	Cái	40	
2	USB (32G)	Cái	79	
3	Bút dạ màu	Bộ	14	30
4	Bút nhớ dòng	Cái		60
5	Bút bi nước My gel	Cái	176	
6	Mực in A3 Laser	Hộp	3,36	
7	Mực in A4 Laser	Hộp	12,5	
8	Mực in màu A4	Hộp	5,6	
9	Mực in màu A3	Hộp	2,24	
10	Mực in Ploter (6 hộp)	Bộ	2,34	
11	Đầu phun màu A0	Chiếc	0,78	
12	Đầu phun màu A4	Chiếc	1,87	
13	Đầu phun màu A3	Chiếc	0,75	
14	Ổ cứng gắn ngoài (2TB)	Cái	8	
15	Mực phô tô	Hộp	32,5	
16	Sổ ghi chép	Cuốn		176
17	Giấy A3	Gram	11,2	
18	Giấy A4	Gram	166,2	
19	Giấy in A0	Cuộn	11,69	
20	Vật liệu có giá trị thấp	%	8	8

Cơ cấu (%) vật liệu theo các bước:

Danh mục công việc	Cơ cấu (%)	
	Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
Quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh	**100,00**	**100,00**
Bước 1	18,34	23,08
Bước 2	8,35	
Bước 3	3,14	
Bước 4	7,35	
Bước 5	2,39	
Bước 6	4,90	9,23
Bước 7	4,9	9,23
Bước 8	4,9	9,23

Bước 9	36,93	49,23
Bước 10	8,79	

Mục 2
ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT CẤP TỈNH

1.Định mức lao động

1.1.Nội dung công việc

Bước 1. Điều tra, thu thập thông tin, tài liệu

1. Điều tra, thu thập các thông tin, tài liệu liên quan đến điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, gồm: quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc gia; các quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng; quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành có sử dụng đất cấp quốc gia, liên tỉnh; quy hoạch tỉnh; điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội của tỉnh; hiện trạng sử dụng đất, biến động đất đai, chất lượng đất, tiềm năng đất đai và kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước của tỉnh; nhu cầu, khả năng sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực, địa phương; nguồn lực đầu tư công và các nguồn lực khác; tiến bộ khoa học và công nghệ có liên quan đến việc sử dụng đất.

2. Tổng hợp, phân loại và đánh giá các thông tin, tài liệu điều tra, thu thập, gồm:

a) Sắp xếp, phân loại theo chuyên mục, nguồn thông tin;

b) Phân tích, đánh giá tính chính xác, khách quan để lựa chọn thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ sử dụng trong điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh.

3. Điều tra, khảo sát thực địa, gồm:

a) Xác định những nội dung cần điều tra, khảo sát thực địa; xây dựng kế hoạch điều tra, khảo sát thực địa;

b) Điều tra, khảo sát thực địa, gồm: các nội dung chính tác động đến quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh (các khu vực dự kiến phát triển các công trình hạ tầng của quốc gia, của vùng trên địa bàn tỉnh; các công trình hạ tầng của tỉnh; các khu vực có khả năng phát triển hệ thống đô thị, khu công nghiệp, khu thương mại - dịch vụ, khu vực chuyên canh lúa chất lượng cao,...); các thông tin tại các đơn vị hành chính cấp dưới trực tiếp phục vụ để tiến hành khoanh vùng định hướng không gian sử dụng đất, dự báo xu thế chuyển dịch đất đai và các nội dung khác liên quan (nếu có);

c) Chỉnh lý thông tin, tài liệu trên cơ sở kết quả điều tra, khảo sát thực địa.

4. Tổng hợp và xây dựng báo cáo chuyên đề kết quả điều tra, thu thập các thông tin, tài liệu.

Bước 2. Phân tích, đánh giá các yếu tố tự nhiên, kinh tế, xã hội, nguồn lực, bối cảnh của cấp tỉnh, của vùng tác động trực tiếp đến việc sử dụng đất của tỉnh

1. Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, các nguồn tài nguyên và môi trường, gồm:

a) Phân tích đặc điểm điều kiện tự nhiên (vị trí địa lý; địa hình, địa mạo; địa chất; khí hậu; thuỷ văn;...);

b) Phân tích đặc điểm các nguồn tài nguyên (đất; nước; rừng; biển; khoáng sản;...);

c) Phân tích hiện trạng môi trường (không khí; nước; đất; chất thải

rắn; sản xuất nông nghiệp và làng nghề; hoạt động khai thác khoáng sản;...);

d) Phân tích, đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến việc sử dụng đất (nước biển dâng; xâm nhập mặn; hoang mạc hóa, sa mạc hóa; xói mòn, sạt lở đất;...).

2. Phân tích, đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội (tăng trưởng kinh tế; cơ cấu kinh tế theo khu vực kinh tế; thực trạng sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực; thực trạng phát triển đô thị và phát triển nông thôn; tình hình dân số, lao động, việc làm và thu nhập, tập quán có liên quan đến sử dụng đất;...).

3. Nguồn lực, bối cảnh của cấp tỉnh, của vùng tác động trực tiếp đến việc sử dụng đất, gồm:

a) Bối cảnh của tỉnh, của vùng tác động đến việc sử dụng đất;

b) Phân tích, đánh giá các nguồn lực tự nhiên, nguồn nhân lực, công nghệ, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, khả năng đầu tư công và thu hút đầu tư ngoài ngân sách có liên quan đến việc sử dụng đất;

c) Phân tích, đánh giá các nguồn lực khác có liên quan đến việc sử dụng đất.

4. Xây dựng báo cáo chuyên đề phân tích, đánh giá các yếu tố tự nhiên, kinh tế, xã hội, nguồn lực, bối cảnh của cấp tỉnh, của vùng tác động trực tiếp đến việc sử dụng đất của tỉnh.

Bước 3. Phân tích, đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất theo các nội dung quản lý nhà nước về đất đai liên quan đến điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh

1. Phân tích tình hình thực hiện các nội dung quản lý nhà nước về đất đai quy định tại Điều 20 Luật Đất đai có liên quan đến điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh.

2. Đánh giá mặt được, tồn tại và nguyên nhân.

3. Xây dựng báo cáo chuyên đề phân tích, đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất theo các nội dung quản lý nhà nước về đất đai liên quan đến điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh.

Bước 4. Phân tích, đánh giá hiện trạng sử dụng đất, biến động sử dụng đất 5 năm trước, kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước

1. Hiện trạng sử dụng đất theo loại đất quy định tại Điều 9 Luật Đất đai và các điều 4, 5 và 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.

2. Biến động sử dụng đất theo loại đất quy định tại Điều 9 Luật Đất đai và các điều 4, 5 và 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.

3. Phân tích, đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước (kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp; kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất; kết quả thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất;...).

4. Phân tích, đánh giá hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường trong việc sử dụng đất.

5. Phân tích, đánh giá mặt được, tồn tại, nguyên nhân, bài học kinh nghiệm và giải pháp khắc phục.

6. Lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất phục vụ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh.

7. Xây dựng báo cáo chuyên đề phân tích, đánh giá hiện trạng sử dụng đất, biến động sử dụng đất 10 năm trước, kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước.

8. Trường hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh thì đánh giá hiện trạng, biến động sử dụng đất và kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh đến thời điểm tổ chức điều chỉnh.

Bước 5. Tổng hợp, đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai, ô nhiễm đất, thoái hóa đất

1. Tổng hợp, phân tích đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai, ô nhiễm đất, thoái hóa đất từ kết quả điều tra, đánh giá đất trên địa bàn tỉnh phục vụ xây dựng định hướng, quy hoạch sử dụng đất gắn với không gian, phân vùng sử dụng đất để phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh; bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu.

2. Xây dựng báo cáo chuyên đề tổng hợp, phân tích kết quả đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai, ô nhiễm đất, thoái hóa đất của trên địa bàn tỉnh.

Bước 6. Xác định các quan điểm và mục tiêu sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch

1. Quan điểm sử dụng đất đối với nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp, nhóm đất chưa sử dụng phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của cấp tỉnh trong kỳ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất.

2. Mục tiêu sử dụng đất đối với nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp, nhóm đất chưa sử dụng phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của cấp tỉnh trong kỳ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất.

3. Xây dựng báo cáo chuyên đề xác định các quan điểm và mục tiêu sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch.

Bước 7. Dự báo xu thế biến động của việc sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch

1. Dự báo các yếu tố chủ yếu về kinh tế, xã hội, môi trường ảnh hưởng đến xu thế biến động đất đai (dự báo kinh tế, xã hội, môi trường; quốc phòng, an ninh; dự báo tác động của biến đổi khí hậu và nước biển dâng;...).

2. Dự báo xu thế biến động đất đai của tỉnh, gồm: nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp và khả năng khai thác đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong kỳ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất và các loại đất quy định tại Điều 9 Luật Đất đai và các điều 4, 5 và 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.

3. Xây dựng báo cáo chuyên đề dự báo xu thế biến động của việc sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch.

Bước 8. Định hướng sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch 10 năm, tầm nhìn sử dụng đất từ 20 đến 30 năm

1. Xác định cơ sở xây dựng định hướng sử dụng đất đáp ứng nhu cầu sử dụng đất để phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh; bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu.

2. Định hướng sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch đối với nhóm đất nông nghiệp, phi nông nghiệp, đất chưa sử dụng và các loại đất do cấp tỉnh xác định gắn với không gian, phân vùng sử dụng đất theo từng đơn vị hành chính cấp xã.

3. Xây dựng báo cáo chuyên đề định hướng sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch.

Bước 9. Xây dựng phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất

1. Xác định các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong kỳ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất, gồm:

a) Các chỉ tiêu về kinh tế;

b) Các chỉ tiêu về xã hội;

c) Các chỉ tiêu về bảo đảm quốc phòng, an ninh;

d) Các chỉ tiêu về bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu;

đ) Các chỉ tiêu về phát triển kết cấu hạ tầng.

2. Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất, cân đối để xác định các chỉ tiêu sử dụng đất trong nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp và nhóm đất chưa sử dụng theo quy định tại Điều 9 Luật Đất đai và điều 4, 5 và 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP; xây dựng hệ thống biểu số liệu, sơ đồ, biểu đồ kèm theo.

3. Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất trong điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh và phân theo đơn vị hành chính cấp xã, gồm:

a) Chỉ tiêu sử dụng đất do điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất quốc gia phân bổ cho cấp tỉnh;

b) Các chỉ tiêu sử dụng đất theo nhu cầu sử dụng đất của tỉnh. Đối với các chỉ tiêu sử dụng đất còn lại mà điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh không xác định thì được quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp xã xác định.

4. Xác định diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong thời kỳ điều chỉnh quy hoạch và phân theo đơn vị hành chính cấp xã.

5. Xác định diện tích đất cần thu hồi trong thời kỳ điều chỉnh quy hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã.

6. Xác định diện tích đất cần chuyển mục đích sử dụng đất quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Đất đai trong thời kỳ điều chỉnh quy hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã.

7. Xác định ranh giới, vị trí, diện tích khu vực lấn biển để sử dụng vào mục đích nông nghiệp, phi nông nghiệp trong thời kỳ điều chỉnh quy hoạch và phân theo đơn vị hành chính cấp xã.

8. Khoanh vùng các khu vực sử dụng đất cần quản lý nghiêm ngặt trong thời kỳ điều chỉnh quy hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã, gồm: đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên.

Việc xác định các khu vực sử dụng đất cần quản lý nghiêm ngặt đối với đất trồng lúa theo tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa và khu vực cần chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang mục đích khác để phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh.

Việc xác định các khu vực sử dụng đất cần quản lý nghiêm ngặt đối với đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên thực hiện theo tiêu chí quy định tại Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ) và khu vực cần chuyển mục đích sử dụng đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên sang mục đích khác để phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh.

9. Phân kỳ điều chỉnh quy hoạch sử dụng cho từng kỳ kế hoạch 05 năm cuối theo nội dung quy định tại các khoản 3, 4, 5, 6, 7 và 8 Điều này. Đối với nội dung quy định tại khoản 3 Điều này được phân đến từng đơn vị hành chính cấp xã.

10. Đánh giá tác động của phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến kinh tế, xã hội, môi trường và bảo đảm quốc phòng, an ninh, gồm:

a) Đánh giá tác động đến nguồn thu, chi từ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và thu hồi đất;

b) Đánh giá tác động đến mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội, bảo vệ môi trường, bảo đảm quốc phòng, an ninh;

c) Đánh giá tác động đến khả năng bảo đảm an ninh lương thực;

d) Đánh tác động đối với việc giải quyết quỹ đất ở, mức độ ảnh hưởng đến đời sống các hộ dân phải di dời chỗ ở, số lao động phải chuyển đổi nghề nghiệp do chuyển mục đích sử dụng đất; đất đai cho người dân tộc thiểu số;

đ) Đánh giá tác động đến quá trình đô thị hóa và phát triển hạ tầng; tôn tạo di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, bảo tồn văn hoá các dân tộc;

e) Đánh giá tác động đến khả năng khai thác hợp lý tài nguyên thiên nhiên, khả năng đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng; yêu cầu bảo tồn, phát triển diện tích rừng và tỷ lệ che phủ.

11. Giải pháp, nguồn lực thực hiện điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất, gồm:

a) Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất, bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu;

b) Giải pháp về nguồn lực thực hiện điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất;

c) Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất.

12. Xây dựng hệ thống biểu số liệu, sơ đồ, biểu đồ.

13. Lập bản đồ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, gồm:

a) Bản đồ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh (bản đồ số và bản đồ in);

b) Bản đồ chuyên đề, gồm: bản đồ đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên và các bản đồ chuyên đề cho các loại đất khác (nếu có) tùy vào điều kiện của từng tỉnh để đảm bảo thể hiện được nội dung điều chỉnh quy hoạch trên bản đồ.

14. Xây dựng báo cáo chuyên đề về phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất.

Bước 10. Xây dựng báo cáo quy hoạch sử dụng đất

1. Xây dựng báo cáo điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất và các tài liệu có liên quan.

2. Xây dựng báo cáo tóm tắt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất.

1.2.Định mức

Bảng số 13

STT	Nội dung công việc	Định biên (người/nhóm)	Định mức (công nhóm)	
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
Bước 1	**Điều tra, thu thập thông tin, tài liệu**			
1	Điều tra, thu thập các thông tin, tài liệu liên quan đến điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, gồm: quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc gia; các quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng; quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành có sử dụng đất cấp quốc gia, liên tỉnh; quy hoạch tỉnh; điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội của tỉnh; hiện trạng sử dụng đất, biến động đất đai, chất lượng đất, tiềm năng đất đai và kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước của tỉnh; nhu cầu, khả năng sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực, địa phương; nguồn lực đầu tư công và các nguồn lực khác; tiến bộ khoa học và công nghệ có liên quan đến việc sử dụng đất.	5 (1ĐCVC2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	144	
2	Tổng hợp, phân loại và đánh giá các thông tin, tài liệu điều tra, thu thập			
a	Sắp xếp, phân loại theo chuyên mục, nguồn thông tin;	5 (1ĐCVC2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	2	
b	Phân tích, đánh giá tính chính xác, khách quan để lựa chọn thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ sử dụng trong điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh.	5 (1ĐCVC2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	39	
3	Điều tra, khảo sát thực địa			
a	Xác định những nội dung cần điều tra, khảo sát thực địa; xây dựng kế hoạch điều tra, khảo sát thực địa;	5 (1ĐCVC2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)		1
b	Điều tra, khảo sát thực địa, gồm: các nội dung chính tác động đến quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh (các khu vực dự kiến phát triển các công trình hạ tầng của quốc gia, của vùng trên địa bàn tỉnh; các công trình hạ tầng của tỉnh; các khu vực có khả năng phát triển hệ thống đô thị, khu công nghiệp, khu thương mại - dịch vụ, khu vực chuyên canh lúa chất lượng cao,...); các thông tin tại các đơn vị hành chính cấp dưới trực tiếp phục vụ để tiến hành khoanh vùng định hướng không gian sử dụng đất, dự báo xu thế chuyển dịch đất đai và các nội dung khác liên quan (nếu có);	5 (1ĐCVC2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)		10
c	Chỉnh lý bổ sung thông tin, tài liệu trên cơ sở kết quả điều tra, khảo sát thực địa.	5 (1ĐCVC2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)		2
4	Tổng hợp và xây dựng báo cáo chuyên đề kết quả điều tra, thu thập các thông tin, tài liệu.	5 (1ĐCVC2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	27	
Bước 2	**Phân tích, đánh giá các yếu tố tự nhiên, kinh tế, xã hội, nguồn lực, bối cảnh của cấp tỉnh, của vùng tác động trực tiếp đến việc sử dụng đất của tỉnh**			

1	Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, các nguồn tài nguyên và môi trường			
a	Phân tích đặc điểm điều kiện tự nhiên (vị trí địa lý; địa hình, địa mạo; địa chất; khí hậu; thuỷ văn;...);	5 (1ĐCVC2, 4ĐCV3)	6	
b	Phân tích đặc điểm các nguồn tài nguyên (đất; nước; rừng; biển; khoáng sản;...);	5 (1ĐCVC2, 4ĐCV3)	6	
c	Phân tích hiện trạng môi trường (không khí; nước; đất; chất thải rắn; sản xuất nông nghiệp và làng nghề; hoạt động khai thác khoáng sản;...);	5 (1ĐCVC2, 4ĐCV3)	6	
d	Phân tích, đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến việc sử dụng đất (nước biển dâng; xâm nhập mặn; hoang mạc hóa, sa mạc hóa; xói mòn, sạt lở đất; ...).	5 (1ĐCVC2, 4ĐCV3)	5	
2	Phân tích, đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội (tăng trưởng kinh tế; cơ cấu kinh tế theo khu vực kinh tế; thực trạng sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực; thực trạng phát triển đô thị và phát triển nông thôn; tình hình dân số, lao động, việc làm và thu nhập, tập quán có liên quan đến sử dụng đất; ...).	5 (1ĐCVC2, 4ĐCV3)	18	
3	Nguồn lực, bối cảnh của cấp tỉnh, của vùng tác động trực tiếp đến việc sử dụng đất			
a	Bối cảnh của tỉnh, của vùng tác động đến việc sử dụng đất;	5 (1ĐCVC2, 4ĐCV3)	5	
b	Phân tích, đánh giá các nguồn lực tự nhiên, nguồn nhân lực, công nghệ, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, khả năng đầu tư công và thu hút đầu tư ngoài ngân sách có liên quan đến việc sử dụng đất;	5 (1ĐCVC2, 4ĐCV3)	5	
c	Phân tích, đánh giá các nguồn lực khác có liên quan đến việc sử dụng đất.	5 (1ĐCVC2, 4ĐCV3)	5	
4	Xây dựng báo cáo chuyên đề phân tích, đánh giá các yếu tố tự nhiên, kinh tế, xã hội, nguồn lực, bối cảnh của cấp tỉnh, của vùng tác động trực tiếp đến việc sử dụng đất của tỉnh.	7 (1ĐCVC2, 5ĐCV3, 1ĐCV2)	16	
Bước 3	**Phân tích, đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất theo các nội dung quản lý nhà nước về đất đai liên quan đến điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh**			
1	Phân tích tình hình thực hiện các nội dung quản lý nhà nước về đất đai quy định tại Điều 20 Luật Đất đai có liên quan đến điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh.	5 (1ĐCVC2, 4ĐCV3)	12	
2	Đánh giá mặt được, tồn tại và nguyên nhân.	5 (1ĐCVC2, 4ĐCV3)	6	
3	Xây dựng báo cáo chuyên đề phân tích, đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất theo các nội dung quản lý nhà nước về đất đai liên quan đến điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh.	7 (1ĐCVC2, 5ĐCV3, 1ĐCV2)	27	
Bước 5	**Phân tích, đánh giá hiện trạng sử dụng đất, biến động sử dụng đất 10 năm trước, kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước**			
1	Hiện trạng sử dụng đất theo loại đất quy định tại Điều 9 Luật Đất đai và các điều 4, 5 và 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.	5 (1ĐCVC2, 4ĐCV3)	5	
2	Biến động sử dụng đất theo loại đất quy định tại Điều 9 Luật Đất đai và các điều 4, 5 và 6 Nghị	5 (1ĐCVC2, 4ĐCV3)	5	

	định số 102/2024/NĐ-CP.			
3	Phân tích, đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước (kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp; kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất; kết quả thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất; ...).	5 (1ĐCVC2, 4ĐCV3)	29	
4	Phân tích, đánh giá hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường trong việc sử dụng đất.	5 (1ĐCVC2, 4ĐCV3)	5	
5	Phân tích, đánh giá mặt được, tồn tại, nguyên nhân, bài học kinh nghiệm và giải pháp khắc phục.	5 (1ĐCVC2, 4ĐCV3)	5	
6	Lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất phục vụ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh.	5 (1ĐCVC2, 4ĐCV3)	5	
7	Xây dựng báo cáo chuyên đề phân tích, đánh giá hiện trạng, biến động sử dụng đất và kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh đến thời điểm tổ chức điều chỉnh.	7 (1ĐCVC2, 5ĐCV3, 1ĐCV2)	15	
Bước 5	**Tổng hợp, đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai, ô nhiễm đất, thoái hóa đất**			
1	Tổng hợp, phân tích đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai, ô nhiễm đất, thoái hóa đất từ kết quả điều tra, đánh giá đất trên địa bàn tỉnh phục vụ xây dựng định hướng, quy hoạch sử dụng đất gắn với không gian, phân vùng sử dụng đất để phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh; bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu.	5 (1ĐCVC2, 4ĐCV3)	12	
2	Xây dựng báo cáo chuyên đề tổng hợp, phân tích kết quả đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai, ô nhiễm đất, thoái hóa đất của trên địa bàn tỉnh.	7 (1ĐCVC2, 5ĐCV3, 1ĐCV2)	8	
Bước 6	**Xác định các quan điểm và mục tiêu sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch**			
1	Quan điểm sử dụng đất đối với nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp, nhóm đất chưa sử dụng phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của cấp tỉnh trong kỳ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất.	7 (1ĐCVC2, 5ĐCV3, 1ĐCV2)	11	
2	Mục tiêu sử dụng đất đối với nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp, nhóm đất chưa sử dụng phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của cấp tỉnh trong kỳ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất.	7 (1ĐCVC2, 5ĐCV3, 1ĐCV2)	21	
3	Xây dựng báo cáo chuyên đề xác định các quan điểm và mục tiêu sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch.	7 (1ĐCVC2, 5ĐCV3, 1ĐCV2)	8	
Bước 7	**Dự báo xu thế biến động của việc sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch**			
1	Dự báo các yếu tố chủ yếu về kinh tế, xã hội, môi trường ảnh hưởng đến xu thế biến động đất đai (dự báo kinh tế, xã hội, môi trường; quốc phòng, an ninh; dự báo tác động của biến đổi khí hậu và nước biển dâng; ...).	7 (1ĐCVC2, 5ĐCV3, 1ĐCV2)	11	

2	Dự báo xu thế biến động đất đai của tỉnh, gồm: nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp và khả năng khai thác đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong kỳ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất và các loại đất quy định tại Điều 9 Luật Đất đai và các điều 4, 5 và 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.	7 (1ĐCVC2, 5ĐCV3, 1ĐCV2)	21	
3	Xây dựng báo cáo chuyên đề dự báo xu thế biến động của việc sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch.	7 (1ĐCVC2, 5ĐCV3, 1ĐCV2)	8	
Bước 8	**Định hướng sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch 10 năm, tầm nhìn sử dụng đất từ 20 đến 30 năm**			
1	Xác định cơ sở xây dựng định hướng sử dụng đất đáp ứng nhu cầu sử dụng đất để phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh; bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu.	6 (2ĐCVC2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	16	2
2	Định hướng sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch đối với nhóm đất nông nghiệp, phi nông nghiệp, đất chưa sử dụng và các loại đất do cấp tỉnh xác định gắn với không gian, phân vùng sử dụng đất theo từng đơn vị hành chính cấp xã.	6 (2ĐCVC2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	31	2
3	Xây dựng báo cáo chuyên đề định hướng sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch.	7 (1ĐCVC2, 5ĐCV3, 1ĐCV2)	10	
Bước 9	**Xây dựng phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất**			
1	Xác định các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong kỳ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất			
a	Các chỉ tiêu về kinh tế	6 (2ĐCVC2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	11	
b	Các chỉ tiêu về xã hội	6 (2ĐCVC2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	11	
c	Các chỉ tiêu về bảo đảm quốc phòng, an ninh	6 (2ĐCVC2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	11	
d	Các chỉ tiêu về bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu.	6 (2ĐCVC2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	11	
đ	Các chỉ tiêu về phát triển kết cấu hạ tầng.	6 (2ĐCVC2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	11	
2	Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất, cân đối để xác định các chỉ tiêu sử dụng đất trong nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp và nhóm đất chưa sử dụng theo quy định tại Điều 9 Luật Đất đai và điều 4, 5 và 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP; xây dựng hệ thống biểu số liệu, sơ đồ, biểu đồ kèm theo.	6 (2ĐCVC2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	16	
3	Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất trong điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh và phân theo đơn vị hành chính cấp xã:			
a	Chỉ tiêu sử dụng đất do quy hoạch sử dụng đất quốc gia phân bổ cho cấp tỉnh	6 (2ĐCVC2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	16	

b	Các chỉ tiêu sử dụng đất theo nhu cầu sử dụng đất của tỉnh. Đối với các chỉ tiêu sử dụng đất còn lại mà điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh không xác định thì được quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp xã xác định.	6 (2ĐCVC2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	16	
4	Xác định diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong thời kỳ quy hoạch và phân theo đơn vị hành chính cấp xã.	6 (2ĐCVC2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	8	2
5	Xác định diện tích đất cần thu hồi trong thời kỳ quy hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã.	6 (2ĐCVC2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	24	2
6	Xác định diện tích đất cần chuyển mục đích sử dụng đất quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Đất đai trong thời kỳ quy hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã.	6 (2ĐCVC2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	8	2
7	Xác định ranh giới, vị trí, diện tích khu vực lấn biển để sử dụng vào mục đích nông nghiệp, phi nông nghiệp trong thời kỳ quy hoạch và phân theo đơn vị hành chính cấp xã.	6 (2ĐCVC2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	8	2
8	Khoanh vùng các khu vực sử dụng đất cần quản lý nghiêm ngặt trong thời kỳ quy hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã, gồm: đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên.	6 (2ĐCVC2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	8	2
9	Phân kỳ điều chỉnh quy hoạch sử dụng cho từng kỳ kế hoạch 05 năm theo nội dung quy định tại các khoản 3, 4, 5, 6, 7 và 8 Điều này. Đối với nội dung quy định tại khoản 3 Điều này được phân đến từng đơn vị hành chính cấp xã.	7 (2ĐCVC2, 4ĐCV3, 1ĐCV2)	10	
10	Đánh giá tác động của phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến kinh tế, xã hội, môi trường và bảo đảm quốc phòng, an ninh			
a	Đánh giá tác động đến nguồn thu, chi từ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và thu hồi đất	6 (2ĐCVC2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	16	
b	Đánh giá tác động đến mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội, bảo vệ môi trường, bảo đảm quốc phòng, an ninh	6 (2ĐCVC2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	16	
c	Đánh giá tác động đến khả năng bảo đảm an ninh lương thực	6 (2ĐCVC2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	16	1
d	Đánh tác động đối với việc giải quyết quỹ đất ở, mức độ ảnh hưởng đến đời sống các hộ dân phải di dời chỗ ở, số lao động phải chuyển đổi nghề nghiệp do chuyển mục đích sử dụng đất; đất đai cho người dân tộc thiểu số	6 (2ĐCVC2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	16	1
đ	Đánh giá tác động đến quá trình đô thị hóa và phát triển hạ tầng; tôn tạo di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, bảo tồn văn hoá các dân tộc	6 (2ĐCVC2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	16	1
e	Đánh giá tác động đến khả năng khai thác hợp lý tài nguyên thiên nhiên, khả năng đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng; yêu cầu bảo tồn, phát triển diện tích rừng và tỷ lệ che phủ.	6 (2ĐCVC2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	15	1
11	Giải pháp, nguồn lực thực hiện điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất			
a	Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất, bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu	7 (2ĐCVC2, 4ĐCV3, 1ĐCV2)	6	

b	Giải pháp về nguồn lực thực hiện điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất	7 (2ĐCVC2, 4ĐCV3, 1ĐCV2)	6	
c	Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất.	7 (2ĐCVC2, 4ĐCV3, 1ĐCV2)	6	
12	Xây dựng hệ thống biểu số liệu, sơ đồ, biểu đồ.	7 (2ĐCVC2, 4ĐCV3, 1ĐCV2)	27	
13	Lập bản đồ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh.			
a	Bản đồ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh (bản đồ số và bản đồ in)	6 (2ĐCVC2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	34	
b	Bản đồ chuyên đề, gồm: bản đồ đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên và các bản đồ chuyên đề cho các loại đất khác (nếu có) tùy vào điều kiện của từng tỉnh để đảm bảo thể hiện được nội dung điều chỉnh quy hoạch trên bản đồ.	6 (2ĐCVC2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	34	
14	Xây dựng báo cáo chuyên đề về phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất.	7 (2ĐCVC2, 4ĐCV3, 1ĐCV2)	36	
Bước 10	**Xây dựng báo cáo điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất**			
a	Xây dựng báo cáo điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất và các tài liệu có liên quan.	7 (2ĐCVC2, 4ĐCV3, 1ĐCV2)	90	
b	Xây dựng báo cáo tóm tắt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất.	6 (2ĐCVC2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	30	
	Tổng		**1088**	**31**

2.Định mức thiết bị

Bảng số 14

STT	Danh mục thiết bị	Đơn vị tính	Thời hạn sử dụng (tháng)	Công suất (Kw/h)	Định mức (ca/tỉnh TB)	
					Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
1	Máy scan A0	Cái	96	2,5	1,4	
2	Máy scan A3	Cái	96	0,4	1,4	
3	Máy in A3	Cái	60	0,5	1	
4	Máy in A4	Cái	60	0,35	3	
5	Máy in màu A4	Cái	60	0,35	2	
6	Máy in màu A3	Cái	60	0,35	1	
7	Máy in Ploter	Cái	60	0,4	14,6	
8	Máy vi tính	Bộ	60	0,35	5.594	
9	Bộ máy tính cấu hình cao	Bộ	60	0,35	2.295	

10	Máy điều hoà nhiệt độ	Bộ	96	2,2	645	
11	Máy chiếu Projector	Cái	60	0,5	6,6	
12	Máy tính xách tay	Cái	60	0,5		277,5
13	Máy phô tô	Cái	96	1,5	14	
14	Điện năng	Kw			35.422	

Cơ cấu (%) thiết bị theo các bước:

Danh mục công việc	**Cơ cấu (%)**	
	Nội nghiệp	**Ngoại nghiệp**
Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh	**100,00**	**100,00**
Bước 1	19,49	41,94
Bước 2	6,62	
Bước 3	4,14	
Bước 4	6,34	
Bước 5	1,84	
Bước 6	3,68	
Bước 7	3,68	
Bước 8	5,24	12,90
Bước 9	37,96	45,16
Bước 10	11,03	

3.Định mức dụng cụ

Bảng số 15

STT	**Danh mục dụng cụ**	**Đơn vị tính**	**Thời hạn sử dụng (tháng)**	**Định mức (ca/tỉnh TB)**	
				Nội nghiệp	**Ngoại nghiệp**
1	Bàn làm việc	Cái	96	4.647	
2	Ghế văn phòng	Cái	96	4.647	
3	Bàn để máy tính	Cái	96	6.971	
4	Ghế máy tính	Cái	96	6.971	
5	Chuột máy tính	Cái	12	6.971	
6	Bút trình chiếu	Cái	12	6,56	
7	Màn chiếu điện	Cái	12	6,56	
8	Giá để tài liệu	Cái	60	1.936	

9	Hòm đựng tài liệu	Cái	60	1.936	
10	Cặp đựng tài liệu	Cái	60	6.971	
11	Quần áo mưa	Bộ	12		278
12	Ba lô	Cái	24		555
13	Ổn áp dùng chung 10A	Cái	60	1.936	
14	Lưu điện cho máy tính	Cái	60	6.971	
15	Máy hút ẩm 2 KW	Cái	60	645	
16	Máy hút bụi 1,5 KW	Cái	60	387	
17	Quạt trần 0,1 KW	Cái	60	968	
18	Máy định vị cầm tay (GPS)	Cái	60		35
19	Sạc pin	Cái	12		17,50
20	Máy tính bảng	Cái	60		17,50
21	Bộ đèn neon 0,04 KW	Bộ	36	1.936	
22	Điện năng	Kw		17.826	
23	Dụng cụ có giá trị thấp	%		5	5

Cơ cấu (%) dụng cụ theo các bước:

Danh mục công việc	**Cơ cấu (%)**	
	Nội nghiệp	**Ngoại nghiệp**
Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh	**100,00**	**100,00**
Bước 1	19,49	41,94
Bước 2	6,62	
Bước 3	4,14	
Bước 4	6,34	
Bước 5	1,84	
Bước 6	3,68	
Bước 7	3,68	
Bước 8	5,24	12,90
Bước 9	37,96	45,16
Bước 10	11,03	

4.Định mức vật liệu

Bảng số 16

STT	Danh mục vật liệu	Đơn vị tính	Định mức (tính cho tỉnh TB)	
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
1	Đĩa CD	Cái	40	
2	USB (32G)	Cái	79	
3	Bút dạ màu	Bộ	14	30
4	Bút nhớ dòng	Cái		60
5	Bút bi nước My gel	Cái	176	
6	Mực in A3 Laser	Hộp	3,36	
7	Mực in A4 Laser	Hộp	12,5	
8	Mực in màu A4	Hộp	5,6	
9	Mực in màu A3	Hộp	2,24	
10	Mực in Ploter (6 hộp)	Bộ	2,34	
11	Đầu phun màu A0	Chiếc	0,78	
12	Đầu phun màu A4	Chiếc	1,87	
13	Đầu phun màu A3	Chiếc	0,75	
14	Ổ cứng gắn ngoài (2TB)	Cái	8	
15	Mực phô tô	Hộp	32,5	
16	Sổ ghi chép	Cuốn		176
17	Giấy A3	Gram	11,2	
18	Giấy A4	Gram	166,2	
19	Giấy in A0	Cuộn	11,69	
20	Vật liệu có giá trị thấp	%	8	8

Cơ cấu (%) vật liệu theo các bước:

Danh mục công việc	Cơ cấu (%)	
	Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh	**100,00**	**100,00**
Bước 1	19,49	41,94
Bước 2	6,62	
Bước 3	4,14	
Bước 4	6,34	
Bước 5	1,84	
Bước 6	3,68	
Bước 7	3,68	
Bước 8	5,24	12,90
Bước 9	37,96	45,16
Bước 10	11,03	

Mục 3
LẬP QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT VÀ KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT CẤP XÃ

1.Định mức lao động

1.1.Nội dung công việc

Bước 1. Điều tra, thu thập thông tin, tài liệu

1. Điều tra, thu thập các thông tin, tài liệu liên quan đến lập quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất cấp xã, gồm: quy hoạch tỉnh, quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh; quy hoạch đô thị của thành phố trực thuộc trung ương đối với trường hợp không lập quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh; các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành; kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội cấp xã; điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội của cấp xã; hiện trạng sử dụng đất, biến động đất đai, tiềm năng đất đai và kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất thời kỳ trước của cấp xã; nhu cầu, khả năng sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân cấp xã; định mức sử dụng đất, tiến bộ khoa học và công nghệ có liên quan đến việc sử dụng đất.

2. Tổng hợp, phân loại và đánh giá các thông tin, tài liệu điều tra, thu thập, gồm:

a) Sắp xếp, phân loại theo chuyên mục, nguồn thông tin;

b) Phân tích, đánh giá tính chính xác, khách quan để lựa chọn thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ sử dụng trong lập quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất năm đầu cấp xã.

3. Điều tra, khảo sát thực địa, gồm:

a) Xác định những nội dung cần điều tra, khảo sát thực địa; xây dựng kế hoạch điều tra, khảo sát thực địa;

b) Điều tra, khảo sát thực địa, gồm: các nội dung chính tác động đến quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất năm đầu cấp xã (các khu vực dự kiến phát triển các công trình hạ tầng của quốc gia, vùng, tỉnh trên địa bàn cấp xã; các công trình hạ tầng của cấp xã; các khu vực có khả năng phát triển hệ thống đô thị, khu công nghiệp, khu thương mại - dịch vụ, khu vực chuyên canh lúa chất lượng cao, khu vực có lợi thế cho phát triển các ngành, lĩnh vực của xã...); các thông tin tại các đơn vị hành chính cấp dưới trực tiếp phục vụ để tiến hành khoanh vùng định hướng không gian sử dụng đất, dự báo xu thế chuyển dịch đất đai và các nội dung khác liên quan (nếu có);

c) Chỉnh lý bổ sung thông tin, tài liệu trên cơ sở kết quả điều tra, khảo sát thực địa.

4. Tổng hợp và xây dựng báo cáo chuyên đề kết quả điều tra, thu thập các thông tin, tài liệu.

Bước 2. Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội, hiện trạng môi trường và biến đổi khí hậu tác động đến sử dụng đất của cấp xã

1. Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, tài nguyên và môi trường, gồm:

a) Phân tích đặc điểm điều kiện tự nhiên (vị trí địa lý; địa hình, địa

mạo; địa chất; khí hậu; thuỷ văn;...);

b) Phân tích đặc điểm các nguồn tài nguyên (đất; nước; rừng; biển; khoáng sản;...);

c) Phân tích hiện trạng môi trường (không khí; nước; đất; chất thải rắn; sản xuất nông nghiệp và làng nghề; hoạt động khai thác khoáng sản;...);

d) Phân tích, đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến việc sử dụng đất (nước biển dâng; xâm nhập mặn; hoang mạc hóa, sa mạc hóa; xói mòn, sạt lở đất;...).

2. Phân tích, đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội (tăng trưởng kinh tế; cơ cấu kinh tế theo khu vực kinh tế; thực trạng sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực; thực trạng phát triển đô thị và phát triển nông thôn; tình hình dân số, lao động, việc làm và thu nhập, tập quán có liên quan đến sử dụng đất;...).

3. Xây dựng các báo cáo chuyên đề phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội, hiện trạng môi trường và biến đổi khí hậu tác động đến sử dụng đất của cấp xã.

Bước 3. Phân tích, đánh giá các nguồn lực của xã và tỉnh tác động trực tiếp đến việc sử dụng đất của cấp xã

1. Phân tích, đánh giá các nguồn lực tự nhiên, nguồn nhân lực, công nghệ, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, khả năng đầu tư công và thu hút đầu tư ngoài ngân sách có liên quan đến việc sử dụng đất.

2. Phân tích, đánh giá các nguồn lực khác có liên quan đến việc sử dụng đất.

3. Xây dựng báo cáo chuyên đề phân tích, đánh giá các nguồn lực của xã và tỉnh tác động trực tiếp đến việc sử dụng đất của cấp xã

Bước 4. Phân tích, đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất theo các nội dung quản lý nhà nước về đất đai liên quan đến quy hoạch sử dụng đất cấp xã

1. Phân tích tình hình thực hiện các nội dung quản lý nhà nước về đất đai quy định tại Điều 20 Luật Đất đai có liên quan đến quy hoạch sử dụng đất.

2. Đánh giá mặt được, tồn tại và nguyên nhân.

3. Xây dựng báo cáo chuyên đề phân tích, đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất theo các nội dung quản lý nhà nước về đất đai liên quan đến quy hoạch sử dụng đất.

Bước 5. Phân tích, đánh giá hiện trạng sử dụng đất, biến động sử dụng đất 10 năm trước, kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước

1. Hiện trạng sử dụng đất theo loại đất quy định tại Điều 9 Luật Đất đai và các điều 4, 5 và 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.

2. Biến động sử dụng đất theo loại đất quy định tại Điều 9 Luật Đất đai và các điều 4, 5 và 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.

3. Phân tích, đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước (kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp; kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất; kết quả thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất;...).

4. Phân tích, đánh giá hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường trong việc sử dụng đất.

5. Phân tích, đánh giá mặt được, tồn tại, nguyên nhân, bài học kinh

nghiệm và giải pháp khắc phục.

6. Lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất phục vụ lập quy hoạch sử dụng đất cấp xã.

7. Xây dựng báo cáo chuyên đề phân tích, đánh giá hiện trạng sử dụng đất, biến động sử dụng đất 10 năm trước, kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất cấp xã kỳ trước.

8. Trường hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp xã thì đánh giá hiện trạng, biến động sử dụng đất và kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất cấp xã đến thời điểm tổ chức điều chỉnh.

Bước 6. Xác định các quan điểm và mục tiêu sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch

1. Quan điểm sử dụng đất đối với nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp, nhóm đất chưa sử dụng phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của cấp xã trong kỳ quy hoạch sử dụng đất.

2. Mục tiêu sử dụng đất đối với nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp, nhóm đất chưa sử dụng phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của cấp xã trong kỳ quy hoạch sử dụng đất.

3. Xây dựng báo cáo chuyên đề xác định các quan điểm và mục tiêu sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch.

Bước 7. Dự báo xu thế chuyển dịch cơ cấu sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch

1. Dự báo các yếu tố tác động đến xu thế chuyển dịch cơ cấu sử dụng đất (dự báo về điều kiện tự nhiên, các nguồn tài nguyên, kinh tế, xã hội, kết quả điều tra đánh giá về chất lượng đất, thoái hóa đất, ô nhiễm đất, tiềm năng đất đai; quốc phòng, an ninh; dự báo tác động của biến đổi khí hậu và nước biển dâng;...).

2. Dự báo xu thế chuyển dịch đất đai của xã, gồm: các loại đất trong nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp và khả năng khai thác đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong kỳ quy hoạch sử dụng đất và các loại đất quy định tại Điều 9 Luật Đất đai và các điều 4, 5 và 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.

3. Xây dựng báo cáo chuyên đề dự báo xu thế chuyển dịch cơ sấu sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch.

Bước 8. Định hướng sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch

1. Xác định cơ sở xây dựng định hướng sử dụng đất đáp ứng nhu cầu sử dụng đất để phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh; bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu.

2. Định hướng sử dụng đất, tầm nhìn đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh; bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; bảo đảm phù hợp, đồng bộ giữa quy hoạch sử dụng đất với quy hoạch giao thông, quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị và nông thôn.

3. Xây dựng báo cáo chuyên đề định hướng sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch.

Bước 9. Xây dựng phương án quy hoạch sử dụng đất

1. Xác định các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong kỳ quy hoạch sử dụng đất, gồm:

a) Các chỉ tiêu về kinh tế;

b) Các chỉ tiêu về xã hội;

c) Các chỉ tiêu về bảo đảm quốc phòng, an ninh;

d) Các chỉ tiêu về bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu;

đ) Các chỉ tiêu về phát triển kết cấu hạ tầng.

2. Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất, cân đối để xác định các chỉ tiêu sử dụng đất trong nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp và nhóm đất chưa sử dụng theo quy định tại Điều 9 Luật Đất đai và điều 4, 5 và 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP, trong đó xác định diện tích các loại đất để bảo đảm chính sách hỗ trợ đất đai cho đồng bào dân tộc thiểu số; xây dựng hệ thống biểu số liệu, sơ đồ, biểu đồ kèm theo.

3. Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất trong quy hoạch sử dụng đất cấp xã và phân theo đơn vị hành chính cấp xã, gồm:

a) Chỉ tiêu sử dụng đất do quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh phân bổ cho cấp xã;

b) Các chỉ tiêu sử dụng đất còn lại trong kỳ quy hoạch sử dụng đất theo nhu cầu sử dụng đất của xã.

4. Xác định diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong thời kỳ quy hoạch và phân theo đơn vị hành chính cấp xã.

5. Xác định diện tích đất cần thu hồi trong thời kỳ quy hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã.

6. Xác định diện tích đất cần chuyển mục đích sử dụng đất quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Đất đai trong thời kỳ quy hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã.

7. Xác định ranh giới, vị trí, diện tích khu vực lấn biển để sử dụng vào mục đích nông nghiệp, phi nông nghiệp.

8. Khoanh vùng các khu vực sử dụng đất cần quản lý nghiêm ngặt trong thời kỳ quy hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã, gồm: đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên.

Việc xác định các khu vực sử dụng đất cần quản lý nghiêm ngặt đối với đất trồng lúa theo tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa và khu vực cần chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang mục đích khác để phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh.

Việc xác định các khu vực sử dụng đất cần quản lý nghiêm ngặt đối với đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên thực hiện theo tiêu chí quy định tại Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ) và khu vực cần chuyển mục đích sử dụng đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên sang mục đích khác để phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh.

9. Phân kỳ quy hoạch sử dụng cho từng kỳ kế hoạch 05 năm theo nội dung quy định tại các khoản 3, 4, 5, 6, 7 và 8 Điều này. Đối với nội dung quy định tại khoản 3 Điều này được phân đến từng đơn vị hành chính cấp

xã.

10. Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch sử dụng đất, gồm:

a) Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất, bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu;

b) Giải pháp về nguồn lực thực hiện quy hoạch sử dụng đất;

c) Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch sử dụng đất.

11. Xây dựng hệ thống biểu số liệu, sơ đồ, biểu đồ.

12. Lập bản đồ quy hoạch sử dụng đất cấp xã.

13. Xây dựng báo cáo chuyên đề về phương án quy hoạch sử dụng đất cấp xã.

Bước 10. Lập kế hoạch sử dụng đất cấp xã

1. Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất và xác định chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất trong nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp và nhóm đất chưa sử dụng quy định tại Điều 9 Luật Đất đai và các điều 4, 5 và 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP, gồm:

a) Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất đã được xác định trong năm kế hoạch trước và chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất quy định tại khoản 4 Điều 67 Luật Đất đai được tiếp tục thực hiện trong năm kế hoạch;

b) Xác định chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất quy định tại Điều 78 và Điều 79 Luật Đất đai thực hiện trong năm kế hoạch mà chưa có các văn bản theo quy định tại khoản 4 Điều 67 Luật Đất đai;

c) Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất theo nhu cầu sử dụng đất không thuộc quy định tại điểm a, điểm b khoản này và khoản 5 Điều 116 Luật Đất đai của cấp xã dự kiến thực hiện trong năm kế hoạch;

d) Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất theo các điểm a, b và c khoản này theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp xã đảm bảo phù hợp với quy hoạch sử dụng đất cấp xã.

2. Xác định diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong năm kế hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã.

3. Xác định diện tích đất cần thu hồi đến từng đơn vị hành chính cấp xã trong năm kế hoạch.

4. Xác định diện tích đất cần chuyển mục đích sử dụng đất đến từng đơn vị hành chính cấp xã trong năm kế hoạch.

5. Xác định ranh giới, vị trí, diện tích khu vực lấn biển để sử dụng vào mục đích nông nghiệp, phi nông nghiệp.

6. Xác định danh mục các công trình, dự án dự kiến thực hiện trong năm kế hoạch, gồm: các công trình, dự án quy định tại điểm a, b và c khoản 1 Điều này. Việc xác định danh mục các công trình, dự án phải xác định cụ thể các dự án bố trí đất ở, đất sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số (nếu có); diện tích đất để đấu giá quyền sử dụng đất, các dự án thu hồi đất trong năm, dự án tái định cư, đất sản xuất dự kiến bồi thường cho người có đất thu hồi.

7. Dự kiến các nguồn thu, chi từ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và thu hồi đất trong năm kế hoạch.

8. Lập bản đồ kế hoạch sử dụng đất cấp xã, gồm:

a) Bản đồ kế hoạch sử dụng đất thể hiện trên nền bản đồ quy hoạch

sử dụng đất cấp xã đối với các khu vực có công trình, dự án nằm trong danh mục thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất.

b) Bản đồ hoặc bản vẽ thể hiện vị trí, ranh giới, diện tích, loại đất đối với các công trình, dự án quy định tại điểm a khoản này đến từng thửa đất trên nền bản đồ địa chính. Trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên nền bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã.

9. Xây dựng báo cáo chuyên đề kế hoạch sử dụng đất cấp xã.

Bước 11. Xây dựng báo cáo quy hoạch sử dụng đất và kế hoạch sử dụng đất cấp xã

1. Xây dựng báo cáo quy hoạch sử dụng đất và kế hoạch sử dụng đất cấp xã; các tài liệu có liên quan.

2. Xây dựng báo cáo tóm tắt quy hoạch sử dụng đất và kế hoạch sử dụng đất cấp xã.

1.2.Định mức

Bảng số 17

STT	Nội dung công việc	Định biên (người/nhóm)	Định mức (công nhóm)	
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
Bước 1	**Điều tra, thu thập thông tin, tài liệu**			
1	Điều tra, thu thập các thông tin, tài liệu liên quan đến lập quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất cấp xã, gồm: quy hoạch tỉnh, quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh; quy hoạch đô thị của thành phố trực thuộc trung ương đối với trường hợp không lập quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh; các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành; kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội cấp xã; điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội của cấp xã; hiện trạng sử dụng đất, biến động đất đai, tiềm năng đất đai và kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất thời kỳ trước của cấp xã; nhu cầu, khả năng sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân cấp xã; định mức sử dụng đất, tiến bộ khoa học và công nghệ có liên quan đến việc sử dụng đất.	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)	35	
2	Tổng hợp, phân loại và đánh giá các thông tin, tài liệu điều tra, thu thập			
a	Sắp xếp, phân loại theo chuyên mục, nguồn thông tin	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)	3	
b	Phân tích, đánh giá tính chính xác, khách quan để lựa chọn thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ sử dụng trong lập quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất năm đầu cấp xã.	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)	10	
3	Điều tra, khảo sát thực địa			
a	Xác định những nội dung cần điều tra, khảo sát thực địa; xây dựng kế hoạch khảo sát thực địa	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)		1
b	Điều tra, khảo sát thực địa, gồm: các nội dung chính tác động đến quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất năm đầu cấp xã (các khu vực dự kiến phát triển các công trình hạ tầng của quốc gia, vùng, tỉnh trên địa bàn cấp xã; các công trình hạ tầng của cấp xã; các khu vực có khả năng phát triển hệ thống đô thị, khu công nghiệp, khu thương mại - dịch vụ, khu vực chuyên canh lúa chất lượng cao, khu vực có lợi thế cho phát triển các ngành, lĩnh vực của xã...); các thông tin tại các đơn vị hành chính cấp dưới trực tiếp phục vụ để tiến hành khoanh vùng định hướng không gian sử dụng đất, dự báo xu thế chuyển dịch đất đai và các nội dung khác liên quan (nếu có)	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)		12

c	Chỉnh lý bổ sung thông tin, tài liệu trên cơ sở kết quả điều tra, khảo sát thực địa.	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)		3
4	Tổng hợp lập báo cáo kết quả điều tra, thu thập các thông tin, tài liệu.	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)	40	
Bước 2	**Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội, hiện trạng môi trường và biến đổi khí hậu tác động đến sử dụng đất của cấp xã**			
1	Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, tài nguyên và môi trường			
a	Phân tích đặc điểm điều kiện tự nhiên (vị trí địa lý; địa hình, địa mạo; địa chất; khí hậu; thuỷ văn; ...)	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)	8	
b	Phân tích đặc điểm các nguồn tài nguyên (đất; nước; rừng; khoáng sản; nhân văn;...)	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)	4	
c	Phân tích hiện trạng môi trường (không khí; nước; đất; chất thải rắn; sản xuất nông nghiệp và làng nghề; hoạt động khai thác khoáng sản;...);	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)	2	
d	Phân tích, đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến việc sử dụng đất (hoang mạc hóa, sa mạc hóa; xói mòn, sạt lở đất;...).	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)	12	
2	Phân tích, đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội (tăng trưởng kinh tế; cơ cấu kinh tế theo khu vực kinh tế; thực trạng sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực; thực trạng phát triển đô thị và phát triển nông thôn; tình hình dân số, lao động, việc làm và thu nhập, tập quán có liên quan đến sử dụng đất; ...).	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)	15	
3	Xây dựng các báo cáo chuyên đề phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội, hiện trạng môi trường và biến đổi khí hậu tác động đến sử dụng đất của cấp xã.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	30	
Bước 3	**Phân tích, đánh giá các nguồn lực của xã và tỉnh tác động trực tiếp đến việc sử dụng đất của cấp xã**			
1	Phân tích, đánh giá các nguồn lực tự nhiên, nguồn nhân lực, công nghệ, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, khả năng đầu tư công và thu hút đầu tư ngoài ngân sách có liên quan đến việc sử dụng đất.	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)	4	
2	Phân tích, đánh giá các nguồn lực khác có liên quan đến việc sử dụng đất.	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)	4	
3	Xây dựng báo cáo chuyên đề phân tích, đánh giá các nguồn lực của xã và tỉnh tác động trực tiếp đến việc sử dụng đất của cấp xã.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	15	
Bước 4	**Phân tích, đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất theo các nội dung quản lý nhà nước về đất đai liên quan đến quy hoạch sử dụng đất cấp xã**			
1	Phân tích tình hình thực hiện các nội dung quản lý nhà nước về đất đai quy định tại Điều 20 Luật Đất đai có liên quan đến quy hoạch sử dụng đất	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	8	
2	Đánh giá mặt được, tồn tại và nguyên nhân.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	4	

3	Xây dựng báo cáo chuyên đề phân tích, đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất theo các nội dung quản lý nhà nước về đất đai liên quan đến quy hoạch sử dụng đất.	7 (6ĐCV3, 1ĐCV1)	85	
Bước 5	**Phân tích, đánh giá hiện trạng sử dụng đất, biến động sử dụng đất 10 năm trước, kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước**			
1	Hiện trạng sử dụng đất theo loại đất quy định tại Điều 9 Luật Đất đai và các điều 4, 5 và 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	12	
2	Biến động sử dụng đất theo loại đất quy định tại Điều 9 Luật Đất đai và các điều 4, 5 và 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	4	
3	Phân tích, đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước (kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp; kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất; kết quả thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất; ...).	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	10	
4	Phân tích, đánh giá hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường trong việc sử dụng đất	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	6	
5	Phân tích, đánh giá mặt được, tồn tại, nguyên nhân, bài học kinh nghiệm và giải pháp khắc phục	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	6	
6	Lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất phục vụ lập quy hoạch sử dụng đất cấp xã.	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)	9	
7	Xây dựng báo cáo chuyên đề phân tích, đánh giá hiện trạng sử dụng đất, biến động sử dụng đất 10 năm trước, kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất cấp xã kỳ trước.	7 (6ĐCV3, 1ĐCV1)	85	
Bước 6	Xác định các quan điểm và mục tiêu sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch			
1	Quan điểm sử dụng đất đối với nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp, nhóm đất chưa sử dụng phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của cấp xã trong kỳ quy hoạch sử dụng đất.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	5	
2	Mục tiêu sử dụng đất đối với nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp, nhóm đất chưa sử dụng phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của cấp xã trong kỳ quy hoạch sử dụng đất.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	5	
3	Xây dựng báo cáo chuyên đề xác định các quan điểm và mục tiêu sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	30	
Bước 7	**Dự báo xu thế chuyển dịch cơ cấu sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch**			
1	Dự báo các yếu tố tác động đến xu thế chuyển dịch cơ cấu sử dụng đất (dự báo về điều kiện tự nhiên, các nguồn tài nguyên, kinh tế, xã hội, kết quả điều tra đánh giá về chất lượng đất, thoái hóa đất, ô nhiễm đất, tiềm năng đất đai; quốc phòng, an ninh; dự báo tác động của biến đổi khí hậu và nước biển dâng; ...).	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	5	

2	Dự báo xu thế chuyển dịch đất đai của xã, gồm: các loại đất trong nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp và khả năng khai thác đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong kỳ quy hoạch sử dụng đất và các loại đất quy định tại Điều 9 Luật Đất đai và các điều 4, 5 và 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	5	
3	Xây dựng báo cáo chuyên đề dự báo xu thế chuyển dịch cơ cấu sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	30	
Bước 8	**Định hướng sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch**			
1	Xác định cơ sở xây dựng định hướng sử dụng đất đáp ứng nhu cầu sử dụng đất để phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh; bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	16	2
2	Định hướng sử dụng đất, tầm nhìn đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh; bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; bảo đảm phù hợp, đồng bộ giữa quy hoạch sử dụng đất với quy hoạch giao thông, quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị và nông thôn.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	16	2
3	Xây dựng báo cáo chuyên đề định hướng sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	32	
Bước 9	**Xây dựng phương án quy hoạch sử dụng đất**			
1	Xác định các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong kỳ quy hoạch sử dụng đất			
a	Các chỉ tiêu về kinh tế	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	3	
b	Các chỉ tiêu về xã hội	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	2	
c	Các chỉ tiêu về bảo đảm quốc phòng, an ninh	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	1	
d	Các chỉ tiêu về bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	1	
đ	Các chỉ tiêu về phát triển kết cấu hạ tầng.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	1	
2	Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất, cân đối để xác định các chỉ tiêu sử dụng đất trong nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp và nhóm đất chưa sử dụng theo quy định tại Điều 9 Luật Đất đai và điều 4, 5 và 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP, trong đó xác định diện tích các loại đất để bảo đảm chính sách hỗ trợ đất đai cho đồng bào dân tộc thiểu số; xây dựng hệ thống biểu số liệu, sơ đồ, biểu đồ kèm theo.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	16	
3	Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất trong quy hoạch sử dụng đất cấp xã và phân theo đơn vị hành chính cấp xã			
a	Chỉ tiêu sử dụng đất do quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh phân bổ cho cấp xã	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	52	12

b	Các chỉ tiêu sử dụng đất còn lại trong kỳ quy hoạch sử dụng đất theo nhu cầu sử dụng đất của xã.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	16	
4	Xác định diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong thời kỳ quy hoạch và phân theo đơn vị hành chính cấp xã.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	16	
5	Xác định diện tích đất cần thu hồi trong thời kỳ quy hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	11	
6	Xác định diện tích đất cần chuyển mục đích sử dụng đất quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Đất đai trong thời kỳ quy hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	11	
7	Xác định ranh giới, vị trí, diện tích khu vực lấn biển để sử dụng vào mục đích nông nghiệp, phi nông nghiệp.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	10	
8	Khoanh vùng các khu vực sử dụng đất cần quản lý nghiêm ngặt trong thời kỳ quy hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã, gồm: đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	10	
9	Phân kỳ quy hoạch sử dụng cho từng kỳ kế hoạch 05 năm theo nội dung quy định tại các khoản 3, 4, 5, 6, 7 và 8 Điều này. Đối với nội dung quy định tại khoản 3 Điều này được phân đến từng đơn vị hành chính cấp xã.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	10	
10	Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch sử dụng đất.			
a	Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất, bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu.	7 (6ĐCV3, 1ĐCV1)	8	
b	Giải pháp về nguồn lực thực hiện quy hoạch sử dụng đất.	7 (6ĐCV3, 1ĐCV1)	8	
c	Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch sử dụng đất.	7 (6ĐCV3, 1ĐCV1)	8	
11	Xây dựng hệ thống biểu số liệu, sơ đồ, biểu đồ.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	48	
12	Lập bản đồ quy hoạch sử dụng đất cấp xã.	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)	90	10
13	Xây dựng báo cáo chuyên đề về phương án quy hoạch sử dụng đất cấp xã.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	30	
Bước 10	**Lập kế hoạch sử dụng đất cấp xã**			
1	Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất và xác định chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất trong nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp và nhóm đất chưa sử dụng quy định tại Điều 9 Luật Đất đai và các điều 4, 5 và 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP:			

a	Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất đã được xác định trong năm kế hoạch trước và chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất quy định tại khoản 4 Điều 67 Luật Đất đai được tiếp tục thực hiện trong năm kế hoạch	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	28	
b	Xác định chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất quy định tại Điều 78 và Điều 79 Luật Đất đai thực hiện trong năm kế hoạch mà chưa có các văn bản theo quy định tại khoản 4 Điều 67 Luật Đất đai	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	12	4
c	Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất theo nhu cầu sử dụng đất không thuộc quy định tại điểm a, điểm b khoản này và khoản 5 Điều 116 Luật Đất đai của cấp xã dự kiến thực hiện trong năm kế hoạch	6(5ĐCV3, 1ĐCV1)	4	
d	Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất theo các điểm a, b và c khoản này theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp xã đảm bảo phù hợp với quy hoạch sử dụng đất cấp xã.	6(5ĐCV3, 1ĐCV1)	8	
2	Xác định diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong năm kế hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	4	
3	Xác định diện tích đất cần thu hồi đến từng đơn vị hành chính cấp xã trong năm kế hoạch.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	11	
4	Xác định diện tích đất cần chuyển mục đích sử dụng đất đến từng đơn vị hành chính cấp xã trong năm kế hoạch.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	16	2
5	Xác định ranh giới, vị trí, diện tích khu vực lấn biển để sử dụng vào mục đích nông nghiệp, phi nông nghiệp.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	4	2
6	Xác định danh mục các công trình, dự án dự kiến thực hiện trong năm kế hoạch, gồm: các công trình, dự án quy định tại điểm a, b và c khoản 1 Điều này. Việc xác định danh mục các công trình, dự án phải xác định cụ thể các dự án bố trí đất ở, đất sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số (nếu có); diện tích đất để đấu giá quyền sử dụng đất, các dự án thu hồi đất trong năm, dự án tái định cư, đất sản xuất dự kiến bồi thường cho người có đất thu hồi.	6(5ĐCV3, 1ĐCV1)	8	
7	Dự kiến các nguồn thu, chi từ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và thu hồi đất trong năm kế hoạch.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	3	
8	Lập bản đồ kế hoạch sử dụng đất cấp xã			
a	Bản đồ kế hoạch sử dụng đất thể hiện trên nền bản đồ quy hoạch sử dụng đất cấp xã đối với các khu vực có công trình, dự án nằm trong danh mục thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất.	5(4ĐCV3, 1ĐCV1)	22	8

b	Bản đồ hoặc bản vẽ thể hiện vị trí, ranh giới, diện tích, loại đất đối với các công trình, dự án quy định tại điểm a khoản này đến từng thửa đất trên nền bản đồ địa chính. Trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên nền bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã.	5(4ĐCV3, 1ĐCV1)	10	
9	**Xây dựng báo cáo chuyên đề kế hoạch sử dụng đất cấp xã.**	7 (6ĐCV3, 1ĐCV1)	85	
Bước 11	**Xây dựng báo cáo quy hoạch sử dụng đất và kế hoạch sử dụng cấp xã**			
1	Xây dựng báo cáo quy hoạch sử dụng đất và kế hoạch sử dụng đất cấp xã; các tài liệu có liên quan.	7 (6ĐCV3, 1ĐCV1)	40	
2	Xây dựng báo cáo tóm tắt quy hoạch sử dụng đất và kế hoạch sử dụng đất cấp xã.	7 (6ĐCV3, 1ĐCV1)	20	
	Tổng		**1182**	**58**

2.Định mức thiết bị

Bảng số 18

STT	Danh mục thiết bị	Đơn vị tính	Thời hạn sử dụng (tháng)	Công suất (Kw/h)	Định mức (ca/xã TB)	
					Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
1	Máy scan A0	Cái	96	2,5	0,7	
2	Máy scan A3	Cái	96	0,4	0,7	
3	Máy in A3	Cái	60	0,5	0,8	
4	Máy in A4	Cái	60	0,35	4,2	
5	Máy in màu A4	Cái	60	0,35	1,1	
6	Máy in màu A3	Cái	60	0,35	0,8	
7	Máy in Ploter	Cái	60	0,4	15	
8	Máy vi tính	Bộ	60	0,35	6.080	
9	Bộ máy tính cấu hình cao	Bộ	60	0,35	2.740	
10	Máy điều hoà nhiệt độ	Bộ	96	2,2	715	
11	Máy chiếu Projector	Cái	60	0,5	3,13	
12	Máy tính xách tay	Cái	60	0,5		53
13	Máy phô tô	Cái	96	1,5	3	

14	Điện năng	Kw			39.280	

Cơ cấu (%) thiết bị theo các bước:

Danh mục công việc	Cơ cấu (%)	
	Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
Quy hoạch sử dụng đất và kế hoạch sử dụng đất cấp xã	**100,00**	**100,00**
Bước 1	7,45	27,59
Bước 2	6,01	
Bước 3	1,95	
Bước 4	8,21	
Bước 5	11,17	
Bước 6	3,38	
Bước 7	3,38	
Bước 8	5,41	6,90
Bước 9	29,78	37,93
Bước 10	18,19	27,59
Bước 11	5,08	

3.Định mức dụng cụ

Bảng số 19

STT	Danh mục dụng cụ	Đơn vị tính	Thời hạn sử dụng (tháng)	Định mức (ca/xã TB)	
				Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
1	Bàn làm việc	Cái	96	5.149	
2	Ghế văn phòng	Cái	96	5.149	
3	Bàn để máy tính	Cái	96	7.724	
4	Ghế máy tính	Cái	96	7.724	
5	Chuột máy tính	Cái	12	7.724	
6	Bút trình chiếu	Cái	12	3,13	
7	Màn chiếu điện	Cái	12	3,13	
8	Giá để tài liệu	Cái	60	2.146	
9	Hòm đựng tài liệu	Cái	60	2.146	
10	Cặp đựng tài liệu	Cái	60	7.724	

11	Quần áo mưa	Bộ	12		237,50
12	Ba lô	Bộ	12		475
13	Ổn áp dùng chung 10A	Cái	36	2.146	
14	Lưu điện cho máy tính	Cái	36	7.724	
15	Máy hút ẩm 2 KW	Cái	60	715,33	
16	Máy hút bụi 1,5 KW	Cái	60	429	
17	Quạt trần 0,1 KW	Cái	60	1.073	
18	Máy định vị cầm tay (GPS)	Cái	60		237,50
19	Sạc pin	Cái	60		118,75
20	Máy tính bảng	Cái	60		237,50
21	Bộ đèn neon 0,04 KW	Bộ	36	2.146	
22	Điện năng	Kw		19.766	
23	Dụng cụ có giá trị thấp	%		5	5

Cơ cấu (%) dụng cụ theo các bước:

Danh mục công việc	**Cơ cấu (%)**	
	Nội nghiệp	**Ngoại nghiệp**
Quy hoạch sử dụng đất và kế hoạch sử dụng đất cấp xã	**100,00**	**100,00**
Bước 1	7,45	27,59
Bước 2	6,01	
Bước 3	1,95	
Bước 4	8,21	
Bước 5	11,17	
Bước 6	3,38	
Bước 7	3,38	
Bước 8	5,41	6,90
Bước 9	29,78	37,93
Bước 10	18,19	27,59
Bước 11	5,08	

4.Định mức vật liệu

Bảng số 20

STT	Danh mục vật liệu	Đơn vị tính	Định mức (tính cho xã TB)	
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
1	Đĩa CD	Cái	47	
2	USB (32G)	Cái	81	
3	Bút dạ màu	Bộ		45
4	Bút nhớ dòng	Cái	45	
5	Bút bi nước My gel	Cái		94
6	Mực in A3 Laser	Hộp	2	
7	Mực in A4 Laser	Hộp	15	
8	Mực in màu A4	Hộp	4	
9	Mực in màu A3	Hộp	2	
10	Mực in Ploter (6 hộp)	Bộ	2	
11	Đầu phun màu A0	Chiếc	1	
12	Đầu phun màu A4	Chiếc	1	
13	Đầu phun màu A3	Chiếc	1	
14	Ổ cứng gắn ngoài (2TB)	Cái	5	
15	Mực phô tô	Hộp	23	
16	Sổ ghi chép	Cuốn		94
17	Giấy A3	Gram	8	
18	Giấy A4	Gram	130	
19	Giấy in A0	Cuộn	12	
20	Vật liệu có giá trị thấp	%	8	8

Cơ cấu (%) vật liệu theo các bước:

Danh mục công việc	Cơ cấu (%)	
	Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
Quy hoạch sử dụng đất và kế hoạch sử dụng đất cấp xã	**100,00**	**100,00**
Bước 1	7,45	27,59
Bước 2	6,01	
Bước 3	1,95	
Bước 4	8,21	
Bước 5	11,17	
Bước 6	3,38	
Bước 7	3,38	
Bước 8	5,41	6,90
Bước 9	29,78	37,93

Bước 10	18,19	27,59
Bước 11	5,08	

Mục 4
ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT VÀ KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT CẤP XÃ

1. Định mức lao động

1.1. Nội dung công việc

Bước 1. Điều tra, thu thập thông tin, tài liệu

1. Điều tra, thu thập các thông tin, tài liệu liên quan đến điều chỉnh quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp xã, gồm: quy hoạch tỉnh, quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh; quy hoạch đô thị của thành phố trực thuộc trung ương đối với trường hợp không lập quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh; các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành; kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội cấp xã; điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội của cấp xã; hiện trạng sử dụng đất, biến động đất đai, tiềm năng đất đai và kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất thời kỳ trước của cấp xã; nhu cầu, khả năng sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân cấp xã; định mức sử dụng đất, tiến bộ khoa học và công nghệ có liên quan đến việc sử dụng đất.

2. Tổng hợp, phân loại và đánh giá các thông tin, tài liệu điều tra, thu thập, gồm:

a) Sắp xếp, phân loại theo chuyên mục, nguồn thông tin;

b) Phân tích, đánh giá tính chính xác, khách quan để lựa chọn thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ sử dụng trong điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất năm đầu cấp xã.

3. Điều tra, khảo sát thực địa, gồm:

a) Xác định những nội dung cần điều tra, khảo sát thực địa; xây dựng kế hoạch điều tra, khảo sát thực địa;

b) Điều tra, khảo sát thực địa, gồm: các nội dung chính tác động đến điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất năm đầu cấp xã (các khu vực dự kiến phát triển các công trình hạ tầng của quốc gia, vùng, tỉnh trên địa bàn cấp xã; các công trình hạ tầng của cấp xã; các khu vực có khả năng phát triển hệ thống đô thị, khu công nghiệp, khu thương mại - dịch vụ, khu vực chuyên canh lúa chất lượng cao, khu vực có lợi thế cho phát triển các ngành, lĩnh vực của xã...); các thông tin tại các đơn vị hành chính cấp dưới trực tiếp phục vụ để tiến hành khoanh vùng định hướng không gian sử dụng đất, dự báo xu thế chuyển dịch đất đai và các nội dung khác liên quan (nếu có);

c) Chỉnh lý thông tin, tài liệu trên cơ sở kết quả điều tra, khảo sát thực địa.

4. Tổng hợp và xây dựng báo cáo chuyên đề kết quả điều tra, thu thập các thông tin, tài liệu.

Bước 2. Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội, hiện trạng môi trường và biến đổi khí hậu tác động đến sử dụng đất của cấp xã

1. Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, tài nguyên và môi trường, gồm:

a) Phân tích đặc điểm điều kiện tự nhiên (vị trí địa lý; địa hình, địa mạo; địa chất; khí hậu; thuỷ văn;...);

b) Phân tích đặc điểm các nguồn tài nguyên (đất; nước; rừng; biển; khoáng sản;...);

c) Phân tích hiện trạng môi trường (không khí; nước; đất; chất thải rắn; sản xuất nông nghiệp và làng nghề; hoạt động khai thác khoáng sản;...);

d) Phân tích, đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến việc sử dụng đất (nước biển dâng; xâm nhập mặn; hoang mạc hóa, sa mạc hóa; xói mòn, sạt lở đất;...).

2. Phân tích, đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội (tăng trưởng kinh tế; cơ cấu kinh tế theo khu vực kinh tế; thực trạng sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực; thực trạng phát triển đô thị và phát triển nông thôn; tình hình dân số, lao động, việc làm và thu nhập, tập quán có liên quan đến sử dụng đất;...).

3. Xây dựng các báo cáo chuyên đề phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội, hiện trạng môi trường và biến đổi khí hậu tác động đến sử dụng đất của cấp xã.

Bước 3. Phân tích, đánh giá các nguồn lực của xã và tỉnh tác động trực tiếp đến việc sử dụng đất của cấp xã.

1. Phân tích, đánh giá các nguồn lực tự nhiên, nguồn nhân lực, công nghệ, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, khả năng đầu tư công và thu hút đầu tư ngoài ngân sách có liên quan đến việc sử dụng đất.

2. Phân tích, đánh giá các nguồn lực khác có liên quan đến việc sử dụng đất.

3. Xây dựng báo cáo chuyên đề phân tích, đánh giá các nguồn lực của xã và tỉnh tác động trực tiếp đến việc sử dụng đất của cấp xã

Bước 4. Phân tích, đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất theo các nội dung quản lý nhà nước về đất đai liên quan đến điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp xã.

1. Phân tích tình hình thực hiện các nội dung quản lý nhà nước về đất đai quy định tại Điều 20 Luật Đất đai có liên quan đến điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất.

2. Đánh giá mặt được, tồn tại và nguyên nhân.

3. Xây dựng báo cáo chuyên đề phân tích, đánh giá btình hình quản lý, sử dụng đất theo các nội dung quản lý nhà nước về đất đai liên quan đến điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất.

Bước 5. Phân tích, đánh giá hiện trạng sử dụng đất, biến động sử dụng đất 5 năm trước, kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước

1. Hiện trạng sử dụng đất theo loại đất quy định tại Điều 9 Luật Đất đai và các điều 4, 5 và 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.

2. Biến động sử dụng đất theo loại đất quy định tại Điều 9 Luật Đất đai và các điều 4, 5 và 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.

3. Phân tích, đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước (kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp; kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất; kết quả thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất;...).

4. Phân tích, đánh giá hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường trong việc sử dụng đất.

5. Phân tích, đánh giá mặt được, tồn tại, nguyên nhân, bài học kinh nghiệm và giải pháp khắc phục.

6. Lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất phục vụ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp xã.

7. Xây dựng báo cáo chuyên đề phân tích, đánh giá hiện trạng sử dụng đất, biến động sử dụng đất và kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất cấp xã đến thời điểm tổ chức điều chỉnh..

8. Trường hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp xã thì đánh giá hiện trạng, biến động sử dụng đất và kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất cấp xã đến thời điểm tổ chức điều chỉnh.

Bước 6. Xác định các quan điểm và mục tiêu sử dụng đất trong kỳ điều chỉnh quy hoạch

1. Quan điểm sử dụng đất đối với nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp, nhóm đất chưa sử dụng phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của cấp xã trong kỳ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất.

2. Mục tiêu sử dụng đất đối với nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp, nhóm đất chưa sử dụng phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của cấp xã trong kỳ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất.

3. Xây dựng báo cáo chuyên đề xác định các quan điểm và mục tiêu sử dụng đất trong kỳ điều chỉnh quy hoạch.

Bước 7. Dự báo xu thế chuyển dịch cơ cấu sử dụng đất trong kỳ điều chỉnh quy hoạch

1. Dự báo các yếu tố tác động đến xu thế chuyển dịch cơ cấu sử dụng đất (dự báo về điều kiện tự nhiên, các nguồn tài nguyên, kinh tế, xã hội, kết quả điều tra đánh giá về chất lượng đất, thoái hóa đất, ô nhiễm đất, tiềm năng đất đai; quốc phòng, an ninh; dự báo tác động của biến đổi khí hậu và nước biển dâng;...).

2. Dự báo xu thế chuyển dịch đất đai của xã, gồm: các loại đất trong nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp và khả năng khai thác đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong kỳ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất và các loại đất quy định tại Điều 9 Luật Đất đai và các điều 4, 5 và 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.

3. Xây dựng báo cáo chuyên đề dự báo xu thế chuyển dịch cơ sấu sử dụng đất trong kỳ điều chỉnh quy hoạch.

Bước 8. Định hướng sử dụng đất trong kỳ điều chỉnh quy hoạch

1. Xác định cơ sở xây dựng định hướng sử dụng đất đáp ứng nhu cầu sử dụng đất để phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh; bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu.

2. Định hướng sử dụng đất, tầm nhìn đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh; bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; bảo đảm phù hợp, đồng bộ giữa điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất với quy hoạch giao thông, quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị và nông thôn.

3. Xây dựng báo cáo chuyên đề định hướng sử dụng đất trong kỳ điều chỉnh quy hoạch.

Bước 9. Xây dựng phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất

1. Xác định các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong kỳ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất, gồm:

a) Các chỉ tiêu về kinh tế;

b) Các chỉ tiêu về xã hội;

c) Các chỉ tiêu về bảo đảm quốc phòng, an ninh;

d) Các chỉ tiêu về bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu;

đ) Các chỉ tiêu về phát triển kết cấu hạ tầng.

2. Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất, cân đối để xác định các chỉ tiêu sử dụng đất trong nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp và nhóm đất chưa sử dụng theo quy định tại Điều 9 Luật Đất đai và điều 4, 5 và 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP, trong đó xác định diện tích các loại đất để bảo đảm chính sách hỗ trợ đất đai cho đồng bào dân tộc thiểu số; xây dựng hệ thống biểu số liệu, sơ đồ, biểu đồ kèm theo.

3. Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất trong điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp xã và phân theo đơn vị hành chính cấp xã, gồm:

a) Chỉ tiêu sử dụng đất do điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh phân bổ cho cấp xã;

b) Các chỉ tiêu sử dụng đất còn lại trong kỳ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất theo nhu cầu sử dụng đất của xã.

4. Xác định diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong kỳ điều chỉnh quy hoạch và phân theo đơn vị hành chính cấp xã.

5. Xác định diện tích đất cần thu hồi trong kỳ điều chỉnh quy hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã.

6. Xác định diện tích đất cần chuyển mục đích sử dụng đất quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Đất đai trong kỳ điều chỉnh quy hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã.

7. Xác định ranh giới, vị trí, diện tích khu vực lấn biển để sử dụng vào mục đích nông nghiệp, phi nông nghiệp.

8. Khoanh vùng các khu vực sử dụng đất cần quản lý nghiêm ngặt trong kỳ điều chỉnh quy hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã, gồm: đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên.

Việc xác định các khu vực sử dụng đất cần quản lý nghiêm ngặt đối với đất trồng lúa theo tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa và khu vực cần chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang mục đích khác để phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh.

Việc xác định các khu vực sử dụng đất cần quản lý nghiêm ngặt đối với đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên thực hiện theo tiêu chí quy định tại Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ) và khu vực cần chuyển mục đích sử dụng đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên sang mục đích khác để phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh.

9. Phân kỳ điều chỉnh quy hoạch sử dụng cho kỳ kế hoạch 05 năm theo nội dung quy định tại các khoản 3, 4, 5, 6, 7 và 8 Điều này. Đối với nội dung quy định tại khoản 3 Điều này được phân đến từng đơn vị hành chính cấp xã.

10. Giải pháp, nguồn lực thực hiện điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất, gồm:

a) Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất, bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí

hậu;

b) Giải pháp về nguồn lực thực hiện điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất;

c) Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất.

11. Xây dựng hệ thống biểu số liệu, sơ đồ, biểu đồ.

12. Lập bản đồ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp xã.

13. Xây dựng báo cáo chuyên đề về phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp xã.

Bước 10. Lập kế hoạch sử dụng đất cấp xã.

1. Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất và xác định chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất trong nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp và nhóm đất chưa sử dụng quy định tại Điều 9 Luật Đất đai và các điều 4, 5 và 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP, gồm:

a) Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất đã được xác định trong năm kế hoạch trước và chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất quy định tại khoản 4 Điều 67 Luật Đất đai được tiếp tục thực hiện trong năm kế hoạch;

b) Xác định chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất quy định tại Điều 78 và Điều 79 Luật Đất đai thực hiện trong năm kế hoạch mà chưa có các văn bản theo quy định tại khoản 4 Điều 67 Luật Đất đai;

c) Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất theo nhu cầu sử dụng đất không thuộc quy định tại điểm a, điểm b khoản này và khoản 5 Điều 116 Luật Đất đai của cấp xã dự kiến thực hiện trong năm kế hoạch;

d) Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất theo các điểm a, b và c khoản này theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp xã đảm bảo phù hợp với điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp xã.

2. Xác định diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong năm kế hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã.

3. Xác định diện tích đất cần thu hồi đến từng đơn vị hành chính cấp xã trong năm kế hoạch.

4. Xác định diện tích đất cần chuyển mục đích sử dụng đất đến từng đơn vị hành chính cấp xã trong năm kế hoạch.

5. Xác định ranh giới, vị trí, diện tích khu vực lấn biển để sử dụng vào mục đích nông nghiệp, phi nông nghiệp.

6. Xác định danh mục các công trình, dự án dự kiến thực hiện trong năm kế hoạch, gồm: các công trình, dự án quy định tại điểm a, b và c khoản 1 Điều này. Việc xác định danh mục các công trình, dự án phải xác định cụ thể các dự án bố trí đất ở, đất sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số (nếu có); diện tích đất để đấu giá quyền sử dụng đất, các dự án thu hồi đất trong năm, dự án tái định cư, đất sản xuất dự kiến bồi thường cho người có đất thu hồi.

7. Dự kiến các nguồn thu, chi từ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và thu hồi đất trong năm kế hoạch.

8. Lập bản đồ kế hoạch sử dụng đất năm đầu điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp xã, gồm:

a) Bản đồ kế hoạch sử dụng đất thể hiện trên nền bản đồ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp xã đối với các khu vực có công trình, dự án nằm trong danh mục thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất.

b) Bản đồ hoặc bản vẽ thể hiện vị trí, ranh giới, diện tích, loại đất đối với các công trình, dự án quy định tại điểm a khoản này đến từng thửa đất trên nền bản đồ địa chính. Trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên nền bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã.

9. Xây dựng báo cáo chuyên đề kế hoạch sử dụng đất cấp xã.

Bước 11. Xây dựng báo cáo điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất và kế hoạch sử dụng đất cấp xã

1. Xây dựng báo cáo điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất và kế hoạch sử dụng đất cấp xã; các tài liệu có liên quan.

2. Xây dựng báo cáo tóm tắt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất và kế hoạch sử dụng đất cấp xã.

1.2.Định mức

Bảng số 21

STT	Nội dung công việc	Định biên (người/nhóm)	Định mức (công nhóm)	
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
Bước 1	**Điều tra, thu thập thông tin, tài liệu**			
1	Điều tra, thu thập các thông tin, tài liệu liên quan đến điều chỉnh quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp xã, gồm: quy hoạch tỉnh, quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh; quy hoạch đô thị của thành phố trực thuộc trung ương đối với trường hợp không lập quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh; các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành; kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội cấp xã; điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội của cấp xã; hiện trạng sử dụng đất, biến động đất đai, tiềm năng đất đai và kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất thời kỳ trước của cấp xã; nhu cầu, khả năng sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân cấp xã; định mức sử dụng đất, tiến bộ khoa học và công nghệ có liên quan đến việc sử dụng đất.	4 (3ĐCV3, 1ĐCV1)	24	
2	Tổng hợp, phân loại và đánh giá các thông tin, tài liệu điều tra, thu thập			
a	Sắp xếp, phân loại theo chuyên mục, nguồn thông tin	4 (3ĐCV3, 1ĐCV1)	2	
b	Phân tích, đánh giá tính chính xác, khách quan để lựa chọn thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ sử dụng trong điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất năm đầu cấp xã.	4 (3ĐCV3, 1ĐCV1)	6	
3	Điều tra, khảo sát thực địa			
a	Xác định những nội dung cần điều tra, khảo sát thực địa; xây dựng kế hoạch khảo sát thực địa	5 (3ĐCV3, 2ĐCV1)		1
b	Điều tra, khảo sát thực địa, gồm: các nội dung chính tác động đến điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất năm đầu cấp xã (các khu vực dự kiến phát triển các công trình hạ tầng của quốc gia, vùng, tỉnh trên địa bàn cấp xã; các công trình hạ tầng của cấp xã; các khu vực có khả năng phát triển hệ thống đô thị, khu công nghiệp, khu thương mại - dịch vụ, khu vực chuyên canh lúa chất lượng cao, khu vực có lợi thế cho phát triển các ngành, lĩnh vực của xã...); các thông tin tại các đơn vị hành chính cấp dưới trực tiếp phục vụ để tiến hành khoanh vùng định hướng không gian sử dụng đất, dự báo xu thế chuyển dịch đất đai và các nội dung khác liên quan (nếu có)	5 (3ĐCV3, 2ĐCV1)		12

b	Chỉnh lý bổ sung thông tin, tài liệu trên cơ sở kết quả điều tra, khảo sát thực địa.	5 (3ĐCV3, 2ĐCV1)		3
4	Tổng hợp lập báo cáo kết quả điều tra, thu thập các thông tin, tài liệu.	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)	24	
Bước 2	**Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội, hiện trạng môi trường và biến đổi khí hậu tác động đến sử dụng đất của cấp xã**			
1	Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, tài nguyên và môi trường			
a	Phân tích đặc điểm điều kiện tự nhiên (vị trí địa lý; địa hình, địa mạo; địa chất; khí hậu; thuỷ văn; ...)	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)	2	
b	Phân tích đặc điểm các nguồn tài nguyên (đất; nước; rừng; khoáng sản; nhân văn;...)	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)	2	
c	Phân tích hiện trạng môi trường (không khí; nước; đất; chất thải rắn; sản xuất nông nghiệp và làng nghề; hoạt động khai thác khoáng sản;...);	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)	1	
d	Phân tích, đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến việc sử dụng đất (hoang mạc hóa, sa mạc hóa; xói mòn, sạt lở đất;...).	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)	1	
2	Phân tích, đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội (tăng trưởng kinh tế; cơ cấu kinh tế theo khu vực kinh tế; thực trạng sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực; thực trạng phát triển đô thị và phát triển nông thôn; tình hình dân số, lao động, việc làm và thu nhập, tập quán có liên quan đến sử dụng đất; ...).	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)	6	
3	Xây dựng các báo cáo chuyên đề phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội, hiện trạng môi trường và biến đổi khí hậu tác động đến sử dụng đất của cấp xã.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	85	
Bước 3	**Phân tích, đánh giá các nguồn lực của xã và tỉnh tác động trực tiếp đến việc sử dụng đất của cấp xã**			
1	Phân tích, đánh giá các nguồn lực tự nhiên, nguồn nhân lực, công nghệ, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, khả năng đầu tư công và thu hút đầu tư ngoài ngân sách có liên quan đến việc sử dụng đất.	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)	2	
2	Phân tích, đánh giá các nguồn lực khác có liên quan đến việc sử dụng đất.	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)	2	
3	Xây dựng báo cáo chuyên đề phân tích, đánh giá các nguồn lực của xã và tỉnh tác động trực tiếp đến việc sử dụng đất của cấp xã.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	10	
Bước 4	**Phân tích, đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất theo các nội dung quản lý nhà nước về đất đai liên quan đến điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp xã**			
1	Phân tích tình hình thực hiện các nội dung quản lý nhà nước về đất đai quy định tại Điều 20 Luật Đất đai có liên quan đến điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	4	

2	Đánh giá mặt được, tồn tại và nguyên nhân.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	2	
3	Xây dựng báo cáo chuyên đề phân tích, đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất theo các nội dung quản lý nhà nước về đất đai liên quan đến điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	85	
Bước 5	**Phân tích, đánh giá hiện trạng sử dụng đất, biến động sử dụng đất 10 năm trước, kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước**			
1	Hiện trạng sử dụng đất theo loại đất quy định tại Điều 9 Luật Đất đai và các điều 4, 5 và 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	5	
2	Biến động sử dụng đất theo loại đất quy định tại Điều 9 Luật Đất đai và các điều 4, 5 và 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	5	
3	Phân tích, đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước (kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp; kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất; kết quả thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất; ...).	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	16	
4	Phân tích, đánh giá hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường trong việc sử dụng đất	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	3	
5	Phân tích, đánh giá mặt được, tồn tại, nguyên nhân, bài học kinh nghiệm và giải pháp khắc phục	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	3	
6	Lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất phục vụ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp xã.	4 (3ĐCV3, 1ĐCV1)	9	
7	Xây dựng báo cáo chuyên đề phân tích, đánh giá hiện trạng sử dụng đất, biến động sử dụng đất và kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất cấp xã đến thời điểm tổ chức điều chỉnh.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	63	
Bước 6	**Xác định các quan điểm và mục tiêu sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch**			
1	Quan điểm sử dụng đất đối với nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp, nhóm đất chưa sử dụng phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của cấp xã trong kỳ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	3	
2	Mục tiêu sử dụng đất đối với nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp, nhóm đất chưa sử dụng phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của cấp xã trong kỳ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	3	
3	Xây dựng báo cáo chuyên đề xác định các quan điểm và mục tiêu sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	15	
Bước 7	**Dự báo xu thế chuyển dịch cơ cấu sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch**			

1	Dự báo các yếu tố tác động đến xu thế chuyển dịch cơ cấu sử dụng đất (dự báo về điều kiện tự nhiên, các nguồn tài nguyên, kinh tế, xã hội, kết quả điều tra đánh giá về chất lượng đất, thoái hóa đất, ô nhiễm đất, tiềm năng đất đai; quốc phòng, an ninh; dự báo tác động của biến đổi khí hậu và nước biển dâng; ...).	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	3	
2	Dự báo xu thế chuyển dịch đất đai của xã, gồm: các loại đất trong nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp và khả năng khai thác đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong kỳ quy hoạch sử dụng đất và các loại đất quy định tại Điều 9 Luật Đất đai và các điều 4, 5 và 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	3	
3	Xây dựng báo cáo chuyên đề dự báo xu thế chuyển dịch cơ cấu sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	15	
Bước 8	**Định hướng sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch**			
1	Xác định cơ sở xây dựng định hướng sử dụng đất đáp ứng nhu cầu sử dụng đất để phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh; bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	8	2
2	Định hướng sử dụng đất, tầm nhìn đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh; bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; bảo đảm phù hợp, đồng bộ giữa điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất với quy hoạch giao thông, quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị và nông thôn.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	8	2
3	Xây dựng báo cáo chuyên đề định hướng sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	16	
Bước 9	**Xây dựng phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất**			
1	Xác định các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong kỳ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất			
a	Các chỉ tiêu về kinh tế	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	2	
b	Các chỉ tiêu về xã hội	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	1	
c	Các chỉ tiêu về bảo đảm quốc phòng, an ninh	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	1	
d	Các chỉ tiêu về bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	1	
đ	Các chỉ tiêu về phát triển kết cấu hạ tầng.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	1	
2	Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất, cân đối để xác định các chỉ tiêu sử dụng đất trong nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp và nhóm đất chưa sử dụng theo quy định tại Điều 9 Luật Đất đai và điều 4, 5 và 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP, trong đó xác định diện tích các loại đất để bảo đảm chính sách hỗ trợ đất đai cho đồng bào dân tộc thiểu số; xây dựng hệ thống biểu số liệu, sơ đồ, biểu đồ kèm theo.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	12	

3	Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất trong điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp xã và phân theo đơn vị hành chính cấp xã	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	36	6
a	Chỉ tiêu sử dụng đất do điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh phân bổ cho cấp xã	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	18	3
b	Các chỉ tiêu sử dụng đất còn lại trong kỳ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất theo nhu cầu sử dụng đất của xã.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	18	8
4	Xác định diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong thời kỳ quy hoạch và phân theo đơn vị hành chính cấp xã.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	4	1
5	Xác định diện tích đất cần thu hồi trong thời kỳ quy hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	4	2
6	Xác định diện tích đất cần chuyển mục đích sử dụng đất quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Đất đai trong thời kỳ quy hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	4	2
7	Xác định ranh giới, vị trí, diện tích khu vực lấn biển để sử dụng vào mục đích nông nghiệp, phi nông nghiệp.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	4	1
8	Khoanh vùng các khu vực sử dụng đất cần quản lý nghiêm ngặt trong thời kỳ quy hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã, gồm: đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	26	
9	Phân kỳ điều chỉnh quy hoạch sử dụng cho từng kỳ kế hoạch 05 năm theo nội dung quy định tại các khoản 3, 4, 5, 6, 7 và 8 Điều này. Đối với nội dung quy định tại khoản 3 Điều này được phân đến từng đơn vị hành chính cấp xã.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	5	
10	Giải pháp, nguồn lực thực hiện điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất.			
a	Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất, bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu.	7 (6ĐCV3, 1ĐCV1)	4	
b	Giải pháp về nguồn lực thực hiện quy hoạch sử dụng đất.	7 (6ĐCV3, 1ĐCV1)	4	
c	Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch sử dụng đất.	7 (6ĐCV3, 1ĐCV1)	4	
11	Xây dựng hệ thống biểu số liệu, sơ đồ, biểu đồ.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	48	
12	Lập bản đồ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp xã.	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)	68	10
13	Xây dựng báo cáo chuyên đề về phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp xã.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	15	
Bước 10	**Lập kế hoạch sử dụng đất cấp xã**			

1	Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất và xác định chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất trong nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp và nhóm đất chưa sử dụng quy định tại Điều 9 Luật Đất đai và các điều 4, 5 và 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP:			
a	Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất đã được xác định trong năm kế hoạch trước và chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất quy định tại khoản 4 Điều 67 Luật Đất đai được tiếp tục thực hiện trong năm kế hoạch	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	28	
b	Xác định chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất quy định tại Điều 78 và Điều 79 Luật Đất đai thực hiện trong năm kế hoạch mà chưa có các văn bản theo quy định tại khoản 4 Điều 67 Luật Đất đai	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	12	4
c	Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất theo nhu cầu sử dụng đất không thuộc quy định tại điểm a, điểm b khoản này và khoản 5 Điều 116 Luật Đất đai của cấp xã dự kiến thực hiện trong năm kế hoạch	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	4	
d	Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất theo các điểm a, b và c khoản này theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp xã đảm bảo phù hợp với quy hoạch sử dụng đất cấp xã.	6(5ĐCV3, 1ĐCV1)	8	
2	Xác định diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong năm kế hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	4	
3	Xác định diện tích đất cần thu hồi đến từng đơn vị hành chính cấp xã trong năm kế hoạch.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	4	2
4	Xác định diện tích đất cần chuyển mục đích sử dụng đất đến từng đơn vị hành chính cấp xã trong năm kế hoạch.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	16	2
5	Xác định ranh giới, vị trí, diện tích khu vực lấn biển để sử dụng vào mục đích nông nghiệp, phi nông nghiệp.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	4	2
6	Xác định danh mục các công trình, dự án dự kiến thực hiện trong năm kế hoạch, gồm: các công trình, dự án quy định tại điểm a, b và c khoản 1 Điều này. Việc xác định danh mục các công trình, dự án phải xác định cụ thể các dự án bố trí đất ở, đất sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số (nếu có); diện tích đất để đấu giá quyền sử dụng đất, các dự án thu hồi đất trong năm, dự án tái định cư, đất sản xuất dự kiến bồi thường cho người có đất thu hồi.	6(5ĐCV3, 1ĐCV1)	4	
7	Dự kiến các nguồn thu, chi từ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và thu hồi đất trong năm kế hoạch.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	3	
8	Lập bản đồ kế hoạch sử dụng đất cấp xã			
a	Bản đồ kế hoạch sử dụng đất thể hiện trên nền bản đồ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp xã đối với các	5(4ĐCV3, 1ĐCV1)	22	8

	khu vực có công trình, dự án nằm trong danh mục thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất.			
b	Bản đồ hoặc bản vẽ thể hiện vị trí, ranh giới, diện tích, loại đất đối với các công trình, dự án quy định tại điểm a khoản này đến từng thửa đất trên nền bản đồ địa chính. Trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên nền bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã.	5(4ĐCV3, 1ĐCV1)	10	
9	Xây dựng báo cáo chuyên đề kế hoạch sử dụng đất cấp xã.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	16	
Bước 11	**Xây dựng báo cáo điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất và kế hoạch sử dụng đất cấp xã**			
1	Xây dựng báo cáo điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất và kế hoạch sử dụng đất cấp xã; các tài liệu có liên quan.	7 (6ĐCV3, 1ĐCV1)	20	
2	Xây dựng báo cáo tóm tắt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất và kế hoạch sử dụng đất cấp xã.	7 (6ĐCV3, 1ĐCV1)	10	
	Tổng		**881**	**71**

2.Định mức thiết bị

Bảng số 22

STT	Danh mục thiết bị	Đơn vị tính	Thời hạn sử dụng (tháng)	Công suất (Kw/h)	Định mức (ca/xã TB)	
					Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
1	Máy scan A0	Cái	96	2,5	0,7	
2	Máy scan A3	Cái	96	0,4	0,7	
3	Máy in A3	Cái	60	0,5	0,8	
4	Máy in A4	Cái	60	0,35	4,2	
5	Máy in màu A4	Cái	60	0,35	1,1	
6	Máy in màu A3	Cái	60	0,35	0,8	
7	Máy in Ploter	Cái	60	0,4	15	
8	Máy vi tính	Bộ	60	0,35	6.080	
9	Bộ máy tính cấu hình cao	Bộ	60	0,35	2.740	
10	Máy điều hoà nhiệt độ	Bộ	96	2,2	715	

11	Máy chiếu Projector	Cái	60	0,5	3,13	
12	Máy tính xách tay	Cái	60	0,5		53
13	Máy phô tô	Cái	96	1,5	3	
14	Điện năng	Kw			39.280	

Cơ cấu (%) thiết bị theo các bước:

Danh mục công việc	Cơ cấu (%)	
	Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất và kế hoạch sử dụng đất cấp xã	**100,00**	**100,00**
Bước 1	6,36	22,54
Bước 2	11,01	
Bước 3	1,59	
Bước 4	10,33	
Bước 5	11,80	
Bước 6	2,38	
Bước 7	2,38	
Bước 8	3,63	5,63
Bước 9	31,78	46,48
Bước 10	15,32	25,35
Bước 11	3,41	

3.Định mức dụng cụ

Bảng số 23

STT	Danh mục dụng cụ	Đơn vị tính	Thời hạn sử dụng (tháng)	Định mức (ca/xã TB)	
				Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
1	Bàn làm việc	Cái	96	5.149	
2	Ghế văn phòng	Cái	96	5.149	
3	Bàn để máy tính	Cái	96	7.724	
4	Ghế máy tính	Cái	96	7.724	
5	Chuột máy tính	Cái	12	7.724	

6	Bút trình chiếu	Cái	12	3,13	
7	Màn chiếu điện	Cái	12	3,13	
8	Giá để tài liệu	Cái	60	2.146	
9	Hòm đựng tài liệu	Cái	60	2.146	
10	Cặp đựng tài liệu	Cái	60	7.724	
11	Quần áo mưa	Bộ	12		237,50
12	Ba lô	Bộ	12		475
13	Ổn áp dùng chung 10A	Cái	36	2.146	
14	Lưu điện cho máy tính	Cái	36	7.724	
15	Máy hút ẩm 2 KW	Cái	60	715,33	
16	Máy hút bụi 1,5 KW	Cái	60	429	
17	Quạt trần 0,1 KW	Cái	60	1.073	
18	Máy định vị cầm tay (GPS)	Cái	60		237,50
19	Sạc pin	Cái	60		118,75
20	Máy tính bảng	Cái	60		237,50
21	Bộ đèn neon 0,04 KW	Bộ	36	2.146	
22	Điện năng	Kw		19.766	
23	Dụng cụ có giá trị thấp	%		5	5

Cơ cấu (%) dụng cụ theo các bước:

Danh mục công việc	**Cơ cấu (%)**	
	Nội nghiệp	**Ngoại nghiệp**
Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất và kế hoạch sử dụng đất cấp xã	**100,00**	**100,00**
Bước 1	6,36	22,54
Bước 2	11,01	
Bước 3	1,59	
Bước 4	10,33	
Bước 5	11,80	
Bước 6	2,38	

Bước 7	2,38	
Bước 8	3,63	5,63
Bước 9	31,78	46,48
Bước 10	15,32	25,35
Bước 11	3,41	

4.Định mức vật liệu

Bảng số 24

STT	Danh mục vật liệu	Đơn vị tính	Định mức (tính cho xã TB)	
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
1	Đĩa CD	Cái	47	
2	USB (32G)	Cái	81	
3	Bút dạ màu	Bộ		45
4	Bút nhớ dòng	Cái	45	
5	Bút bi nước My gel	Cái		94
6	Mực in A3 Laser	Hộp	2	
7	Mực in A4 Laser	Hộp	15	
8	Mực in màu A4	Hộp	4	
9	Mực in màu A3	Hộp	2	
10	Mực in Ploter (6 hộp)	Bộ	2	
11	Đầu phun màu A0	Chiếc	1	
12	Đầu phun màu A4	Chiếc	1	
13	Đầu phun màu A3	Chiếc	1	
14	Ổ cứng gắn ngoài (2TB)	Cái	5	
15	Mực phô tô	Hộp	23	
16	Sổ ghi chép	Cuốn		94
17	Giấy A3	Gram	8	
18	Giấy A4	Gram	130	
19	Giấy in A0	Cuộn	12	
20	Vật liệu có giá trị thấp	%	8	8

Cơ cấu (%) vật liệu theo các bước:

Danh mục công việc	Cơ cấu (%)	
	Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất và kế hoạch sử dụng đất cấp xã	**100,00**	**100,00**

Bước 1	6,36	22,54
Bước 2	11,01	
Bước 3	1,59	
Bước 4	10,33	
Bước 5	11,80	
Bước 6	2,38	
Bước 7	2,38	
Bước 8	3,63	5,63
Bước 9	31,78	46,48
Bước 10	15,32	25,35
Bước 11	3,41	